

Số: **0057**/QĐ/MTB-HĐQT

Hà Nội, ngày **26** tháng 3 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH

**về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
của Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí.**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY – THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ban hành ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24/4/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 0056/NQ/MTB-HĐQT ngày 26/3/2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí (PVMACHINO):

- Thời gian: 08h00', ngày 14/4/2020.

- Địa điểm: Tầng 6, tòa nhà Handico Tower, đường Phạm Hùng, Khu Đô thị Mễ Trì Hạ, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

- Cổ đông sở hữu chứng khoán PVM có quyền tham dự cuộc họp theo danh sách chốt cổ đông ngày 18/3/2020 hoặc những người được ủy quyền hợp lệ.

- Nội dung trình tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020:

1. Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ thường niên 2020;
2. Báo cáo hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2015 – 2020 và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2020 – 2025;
3. Báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2019, giai đoạn 2015 - 2020 và triển khai kế hoạch năm 2020, phương hướng giai đoạn 2020 – 2025;
4. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tổng kết nhiệm kỳ 2015 – 2020;
5. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019 và Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019;

6. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020;

7. Tờ trình lựa chọn danh sách đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020;

8. Tờ trình quyết toán tiền lương/ thù lao của HĐQT, BKS năm 2019 và phương án chi trả tiền lương /thù lao của HĐQT, BKS năm 2020;

9. Tờ trình bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh, sửa đổi Điều lệ và chủ trương hợp tác, đầu tư, góp vốn vào dự án thủy điện, điện gió và năng lượng tái tạo khác;

10. Tờ trình thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2020;

11. Tờ trình niêm yết cổ phiếu PVM trên HOSE.

12. Quy định đề cử, ứng cử vào HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2020 – 2025 tại Đại hội đồng cổ đông năm 2020;

13. Quy chế bầu cử thành viên HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2020 – 2025 tại Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

(Chi tiết nội dung tài liệu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban tổ chức Đại hội, Trưởng các phòng chức năng và Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- PV Power (để b/cáo);
- TV HĐQT, BKS;
- Các P. Giám đốc;
- Lưu: VT, HĐQT.





CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY – THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101394512 do sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/3/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03/01/2013.

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2020

THƯ MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí (PVMACHINO) trân trọng kính mời Ông/Bà đến dự: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020.

1. **Thời gian:** 08h00' ngày 14 tháng 4 năm 2020.
2. **Địa điểm:** Tầng 6, tòa nhà Handico Tower, đường Phạm Hùng, Khu Đô thị Mỹ Trì Hạ, Nam Từ Liêm, Hà Nội.
3. **Nội dung:**
 - 3.1. Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ thường niên 2020;
 - 3.2. Báo cáo hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2015 – 2020 và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2020 – 2025;
 - 3.3. Báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2019, giai đoạn 2015 - 2020 và triển khai kế hoạch năm 2020, phương hướng giai đoạn 2020 – 2025;
 - 3.4. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tổng kết nhiệm kỳ 2015 – 2020;
 - 3.5. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019 và Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019;
 - 3.6. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020;
 - 3.7. Tờ trình lựa chọn danh sách đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020;
 - 3.8. Tờ trình quyết toán tiền lương/ thù lao của HĐQT, BKS năm 2019 và phương án chi trả tiền lương /thù lao của HĐQT, BKS năm 2020;
 - 3.9. Tờ trình bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh, sửa đổi Điều lệ và chủ trương hợp tác, đầu tư, góp vốn vào dự án thủy điện, điện gió và năng lượng tái tạo khác;



CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Thời gian: Từ 8h00 ngày 14/4/2020

Địa điểm: Tầng 6, tòa nhà Handico Tower, đường Phạm Hùng, Khu Đô thị Mỹ Trì Hạ, Nam Từ Liêm, Hà Nội

THỜI GIAN	NỘI DUNG LÀM VIỆC
08h00 - 08h30	- Đón tiếp đại biểu, cổ đông.
	- Kiểm tra tư cách cổ đông, lập danh sách các cổ đông có mặt.
	- Phát tài liệu và Thẻ biểu quyết.
08h30 - 08h35	- Ổn định tổ chức Đại hội.
	- Tuyên bố lý do, khai mạc và giới thiệu thành phần tham dự.
08h35 - 08h40	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
08h40 - 08h45	- Giới thiệu thành phần Đoàn Chủ tịch và lấy ý kiến biểu quyết của Đại hội.
	- Giới thiệu thành phần Thư ký Đại hội và lấy ý kiến biểu quyết của Đại hội.
	- Giới thiệu thành phần Ban kiểm phiếu và lấy ý kiến biểu quyết của Đại hội.
08h45 - 08h50	- Thông qua Chương trình, Quy chế làm việc của Đại hội và lấy ý kiến biểu quyết thông qua.
08h50 - 09h20	- Báo cáo hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2015 – 2020 và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2020 – 2025.
	- Báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2019, giai đoạn 2015 - 2020 và triển khai kế hoạch năm 2020, phương hướng giai đoạn 2020 – 2025.
	- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tổng kết nhiệm kỳ 2015 – 2020.
09h20 - 10h00	- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019.
	- Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020.
	- Tờ trình lựa chọn danh sách đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.
	- Tờ trình quyết toán tiền lương/ thù lao của HĐQT, BKS năm 2019 và phương án chi trả tiền lương /thù lao của HĐQT, BKS năm 2020.
	-Tờ trình bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh, sửa đổi Điều lệ và chủ trương hợp tác, đầu tư, góp vốn vào dự án thủy điện, điện gió và năng lượng tái tạo khác.
	- Tờ trình thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2020.
	- Tờ trình niêm yết cổ phiếu PVM trên HOSE.
10h00-10h30	- Bầu cử thành viên HĐQT/BKS.
	+ Quy định đề cử, ứng cử vào HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2020 – 2025 tại Đại hội đồng cổ đông năm 2020.
	+ Thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2020 – 2025 tại Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

THỜI GIAN	NỘI DUNG LÀM VIỆC
10h00-10h30	+ Thông qua danh sách bầu cử thành viên HĐQT/BKS. + Tiến hành bầu cử và kiểm phiếu
10h20 - 10h50	- Đại hội thảo luận các nội dung, phát biểu ý kiến
10h50 - 11h00	Biểu quyết về các nội dung tại đại hội:
	- Báo cáo hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2015 – 2020 và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2020 – 2025.
	- Báo cáo tổng kết hoạt động SXKD năm 2019, giai đoạn 2015 - 2020 và triển khai kế hoạch năm 2020, phương hướng giai đoạn 2020 – 2025.
	- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tổng kết nhiệm kỳ 2015 – 2020.
	- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019.
	- Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020.
	- Tờ trình lựa chọn danh sách đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.
	- Tờ trình quyết toán tiền lương/ thù lao của HĐQT, BKS năm 2019 và phương án chi trả tiền lương /thù lao của HĐQT, BKS năm 2020.
	-Tờ trình bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh, sửa đổi Điều lệ và chủ trương hợp tác, đầu tư, góp vốn vào dự án thủy điện, điện gió và năng lượng tái tạo khác.
	- Tờ trình thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2020.
	- Tờ trình niêm yết cổ phiếu PVM trên HOSE.
	- Công bố kết quả bầu thành viên HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2020-2025.
11h30 - 11h40	- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội. - Bế mạc.

3.10. Tờ trình thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2020;

3.11. Tờ trình niêm yết cổ phiếu PVM trên HOSE.

3.12. Quy định đề cử, ứng cử vào HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2020 – 2025 tại Đại hội đồng cổ đông năm 2020;

3.13. Quy chế bầu cử thành viên HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2020 – 2025 tại Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

4. Điều kiện tham dự Đại hội: Tất cả Cổ đông sở hữu cổ phần của PVMACHINO theo danh sách chốt cổ đông ngày 18/3/2020 hoặc người được ủy quyền hợp lệ.

5. Xác nhận tham dự Đại hội: Để Đại hội được tổ chức thành công, đề nghị Quý cổ đông xác nhận tham dự Đại hội hoặc ủy quyền tham dự Đại hội (theo mẫu Giấy xác nhận/Ủy quyền đính kèm) và hồ sơ đề cử, ứng cử vào HĐQT, BKS (nếu có) gửi về PVMACHINO trước 16h00' ngày 10/4/2020.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội mang theo các giấy tờ sau:

- Thư mời họp.
- Giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu.
- Giấy xác nhận/Ủy quyền tham dự

7. Các tài liệu liên quan đến Đại hội được đăng tải trên trang Web của Công ty tại địa chỉ: <http://www.pvmachino.vn>

8. Mọi chi tiết liên quan đến Đại hội, Quý cổ đông xin liên hệ:

- Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí: Tầng 13, Tòa nhà CEO, Lô HH2-1 Khu Đô thị Mỹ Đình Hạ, đường Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- Người tiếp nhận: Ông Trương Việt Nghĩa –Thư ký HĐQT (SĐT: 0818.257.257).
- Số điện thoại: 024.38260344 Ext.102 Fax: 024.38254050

Mọi chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí khác do Cổ đông tự chi trả.

Trân trọng kính mời./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hiệp

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

GIẤY XÁC NHẬN/ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Tên cá nhân/tổ chức:

Mã số cổ đông:

Số CMND/GCNĐKKD:..... ngày cấp..... nơi cấp

Địa chỉ:

Điện thoại:

Tổng số cổ phần sở hữu:cổ phần (bằng chữ:.....)

Nay xác nhận:

Đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Không tham dự Đại hội và ủy quyền cho:

Ông/Bà:(Chức vụ tại tổ chức (nếu có):.....)

Số CMND:.....ngày cấp:.....nơi cấp:

Địa chỉ:

(**) Hoặc một trong những thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí có tên dưới đây:*

Ông Phạm Văn Hiệp

- Chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Đình Trung

- Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty

Ông Nguyễn Minh Tuấn

- Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Việt Hưng

- Thành viên HĐQT

Bà Tô Ngọc Tuyết

- Thành viên HĐQT

Nội dung ủy quyền.

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí và thực hiện quyền và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông tương ứng với số cổ phần được ủy quyền.

Chúng tôi cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của Điều lệ Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí và chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện ủy quyền này./.

Người được ủy quyền

(Ký và ghi rõ họ tên)

Người ủy quyền (hoặc đăng ký dự)

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2020

**QUY CHẾ LÀM VIỆC TẠI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán được Quốc hội khóa XI thông qua ngày 23/6/2006;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí được ĐHĐCĐ thông qua ngày 24/4/2018;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí ngày 24/4/2018,

I. MỤC TIÊU.

- Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
- Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của Phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

II. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI.

- Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và nhận Thẻ biểu quyết.
- Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp của Ban tổ chức Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự.
- Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
- Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông.
- Cổ đông thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo vệ tài liệu Đại hội.

III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI.

1. Nguyên tắc.

- Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều được thông



qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng Thẻ biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện.

- Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết trong đó ghi tên cổ đông/cổ đông được uỷ quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu và uỷ quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty.
- Trường hợp nội dung Thẻ biểu quyết của cổ đông ghi sai, cổ đông đề nghị Ban tổ chức đổi.
- Các nội dung được thông qua hình thức biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết.

2. Cách biểu quyết.

Mỗi vấn đề được thông qua tại Đại hội được biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết. Ban kiểm phiếu sẽ trực tiếp đếm số biểu quyết tán thành/không tán thành/không có ý kiến, tổng hợp kết quả biểu quyết và báo cáo Đại hội.

3. Thông qua quyết định của Đại hội cổ đông.

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp hoặc được uỷ quyền đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết.
- Các vấn đề được biểu quyết trong Đại hội được thông qua khi:
 - Thông qua việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, quyết định loại cổ phiếu và tổng số cổ phần được quyền chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tính trên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất: Đạt ít nhất 65% tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận.
 - Thông qua các vấn đề khác: đạt ít nhất 51% tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận.

IV. BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT.

Việc thực hiện bầu cử phải tuân thủ đúng Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được Đại hội thông qua.

V. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI.

1. Nguyên tắc.

Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký nội dung phát biểu với Đoàn Chủ tịch (thông qua Ban Thư ký Đại hội), và được sự đồng ý của Chủ tịch Đoàn.

2. Cách thức phát biểu

Cổ đông phát biểu ngắn gọn, tránh trùng lặp và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tịch Đại hội sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH.

- Thành phần: Đoàn Chủ tịch gồm 03 người, được giới thiệu và lấy ý kiến biểu quyết tại Đại hội. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch đoàn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt xin ý kiến Đại hội để bầu ra Đoàn Chủ tịch/Chủ tịch đoàn. Chủ tịch đoàn không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp bầu Chủ tịch đoàn, tên Chủ tịch đoàn được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tịch đoàn phải được công bố.
- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:
 - + Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông của Công ty theo chương trình Đại hội dự kiến đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - + Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.
 - + Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội đồng cổ đông biểu quyết.
 - + Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
 - + Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, tiến hành Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.
 - + Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu (nếu có) sẽ do Đoàn Chủ tịch giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG.

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông do Công ty đề cử. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông thực hiện kiểm tra tư cách cổ đông và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra tư cách.

VIII. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI.

- Ban Thư ký Đại hội do Đoàn Chủ tịch đề cử và được Đại hội cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết. Ban Thư ký có nhiệm vụ sau:
 - + Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý của Đại hội.



- + Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, nghị quyết của Đại hội.
- + Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông.
- + Nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được Ban Thư ký ghi chép đầy đủ vào Biên bản họp Đại hội và thông qua Đại hội trước khi bế mạc.

IX. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU.

- Ban kiểm phiếu do Đoàn Chủ tịch đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể là cổ đông. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - + Phổ biến thể lệ và các nguyên tắc thực hiện biểu quyết.
 - + Thu phiếu và tiến hành kiểm phiếu.
 - + Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.
 - + Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về bầu cử.

Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Máy-Thiết bị Dầu khí có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hiệp

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2020

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ II (2015 – 2020) VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ
NHIỆM KỲ III (2020-2025) TẠI ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN
NĂM 2020.**

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

I. Đánh giá tình hình hoạt động nhiệm kỳ II (2015 – 2020).

1. Tình hình chung.

Nhiệm kỳ 2015-2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí diễn ra trong bối cảnh chung của nền kinh tế thế giới đang dần hồi phục kể từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2008. Nền kinh tế Việt Nam giai đoạn 2015-2020 đạt mức tăng trưởng cao với tốc độ tăng trưởng GDP trung bình năm đạt 6,8%, cơ cấu kinh tế dịch chuyển theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa. Cùng với đà tăng trưởng kinh tế của đất nước, với lợi thế là đơn thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Công ty con của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (PV Power), Công ty đã chủ động tham gia tích cực vào lĩnh vực cung cấp vật tư, thiết bị phụ tùng cho các dự án, nhà máy điện của Tổng Công ty và dần trở thành mắt xích quan trọng trong chuỗi sản xuất và kinh doanh điện năng của Tổng công ty, đây là lĩnh vực có tiềm năng lớn, mang hiệu quả cao, ổn định, đảm bảo cho sự phát triển bền vững của PVMACHINO.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị (2015-2020)

Nhiệm kỳ II (2015 – 2020), Hội đồng quản trị (HĐQT) đã được ĐHĐCĐ năm 2015 bầu ra 05 thành viên, bao gồm:

- | | |
|--------------------------|--------------------------|
| 1. Ông Phạm Văn Hiệp | - Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Trần Minh Tuấn | - Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3. Ông Nguyễn Đình Trung | - Ủy viên HĐQT, Giám đốc |
| 4. Ông Nguyễn Minh Tuấn | - Ủy viên HĐQT |
| 5. Ông Nguyễn Việt Hưng | - Ủy viên HĐQT |

- Ngày 21/10/2015, ông **Đỗ Xuân Bình** làm thành viên HĐQT thay ông Trần Minh Tuấn.

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020 VÀ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH NĂM 2020, PHƯƠNG HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2020 – 2025

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí

PHẦN I

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019 VÀ GIAI ĐOẠN 2015 – 2020

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019.

Năm 2019, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, dần khẳng định được vai trò thành viên trong chuỗi sản xuất kinh doanh điện năng của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam-CTCP. Hoạt động kinh doanh tập trung vào lĩnh vực thương mại có hàm lượng kỹ thuật cao, cung cấp vật tư, thiết bị cho các dự án, nhà máy trong và ngoài ngành; công tác tái cơ cấu và thu hồi công nợ được triển khai tích cực, trong đó đã trích lập 100% giá trị dự phòng nợ phải thu tại Công ty mẹ, không để phát sinh thêm công nợ quá hạn mới, đời sống CBNV được nâng cao, giá trị cổ phiếu của Công ty có sự tăng trưởng tốt, gia tăng lợi ích cho cổ đông.

Các kết quả thực hiện năm 2019 như sau:

1. Công tác sản xuất kinh doanh.

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	
			Giá trị	% so với KH
1	Tổng Doanh thu	1.200,00	1.770,59	148%
	Trong đó: Công ty Mẹ	940,00	966,07	103%
2	Lợi nhuận trước thuế	38,92	43,71	112%
	Trong đó: Công ty Mẹ	38,02	43,29	114%
3	Lợi nhuận sau thuế	38,74	43,03	111%

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	
			Giá trị	% so với KH
	Trong đó: Công ty Mẹ	38,02	43,29	114%
4	Nộp ngân sách NN	6,53	8,91	136%

(Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019)

Đánh giá các chỉ tiêu chính

- Tổng doanh thu: đạt 1.770,59 tỷ đồng vượt 48% so với kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 thông qua.
- Lợi nhuận trước thuế: đạt 43,71 tỷ đồng vượt 12% so với kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 thông qua.

Phân tích và đánh giá.

- Trong ngành: Công ty đã tích cực tham gia đấu thầu cung cấp thiết bị, vật tư cho nhà máy điện của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và các đơn vị thành viên, đồng thời nghiên cứu, tiếp cận các đơn vị khác trong ngành để triển khai các nguồn việc.
- Ngoài ngành.
 - + Cung cấp vật tư, nguyên vật liệu, thi công xây lắp gói thầu tại Đại học y dược Thái Bình, gói thầu thi công sửa chữa các công trình của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Techcombank, nhà máy của Liên doanh Công ty TNHH sản xuất phụ tùng ô tô xe máy Showa Việt Nam, nhà máy xi măng Vicem, Nhiệt điện Phả Lại....
 - + Tiếp cận, tiếp thị các dự án, nguồn việc thuộc lĩnh vực y tế, giao thông và công nghiệp khác. Triển khai các phương án kinh doanh thương mại với các khách hàng, đối tác tin cậy.
- Công tác tìm kiếm nguồn việc, triển khai các định hướng phát triển dài hạn được đẩy mạnh thực hiện, các giải pháp được tập thể cán bộ chủ chốt Công ty tổng hợp, rút kinh nghiệm từ đó xây dựng phù hợp. Trong năm 2019 đã ký hợp đồng đại lý, trở thành Nhà phân phối thiết bị điện của Tập đoàn Siemens tại khu vực Đông Nam Á (gồm Việt Nam, Lào, Campuchia, Myanmar), hiện đang làm việc với Tập đoàn Toshiba và các Tập đoàn khác.

2. Công tác tài chính, thu hồi công nợ.

- Công tác tài chính được triển khai hiệu quả, đồng bộ, cung cấp đủ vốn cho hoạt động kinh doanh; quản trị rủi ro tốt, không để phát sinh công nợ quá hạn mới.
- Công tác thu hồi công nợ được triển khai tích cực, Ban thu hồi công nợ và các Tổ thu hồi công nợ đã triển khai đa dạng các giải pháp thu hồi như khởi kiện ra tòa, thu nợ từng phần, thu hồi bằng tài sản, trong đó kết quả thu hồi bằng tiền mặt đạt gấp hơn 2 lần so với năm 2018 (6,5 tỷ đồng so với 2,7 tỷ đồng năm 2018), thu hồi bằng tài sản có giá trị còn chậm do phải tiến hành nhiều thủ tục pháp lý phức tạp, kéo dài.

3. Công tác tái cấu trúc.

STT	Danh mục các đơn vị thoái vốn	Vốn điều lệ	Giá trị vốn góp/Giá trị đầu tư	Tỷ lệ vốn góp
1	Công ty CP Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	42	51,89	49,78%
2	Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	62	2,02	3,25%
3	Công ty CP Máy - Thiết bị Việt Nam	6,8	0,84	12,13%
4	Công ty CP PEC Hà Nội	37,5	3,00	8,04%
5	Công ty CP Máy - Thiết bị Dầu khí miền Bắc Việt Nam	5,5	1,45	34,58%
6	Công ty CP Đóng mới và sửa chữa tàu dầu khí Nhơn Trạch	201	3,62	1,80%

Kết quả thực hiện năm 2019.

- Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng (mã chứng khoán DAS): Công ty đã phê duyệt phương án thoái vốn toàn bộ tại đây. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện do nhu cầu thực tế thị trường xuống thấp, khả năng không hấp thụ hết số lượng dự kiến chào bán toàn bộ, do vậy Công ty đã tạm dừng thực hiện phương án từ tháng 3/2019. Hiện đang tiếp tục bám sát diễn biến thị trường, nhu cầu nhà đầu tư để lựa chọn thời điểm thoái vốn thích hợp. Dự kiến thực hiện giai đoạn 2020-2025.
- Các đơn vị còn lại: hầu hết có lịch sử đầu tư góp vốn từ thời kỳ còn là doanh nghiệp nhà nước, hoạt động kinh doanh yếu kém, lỗ; đều chưa niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch, chưa phải là công ty đại chúng nên chưa thoái vốn được theo quy định. Công ty tiếp tục giám sát hoạt động của đơn

vị, cập nhật các quy định pháp luật, hướng dẫn mới về thoái vốn phù hợp với điều kiện các đơn vị này để thực hiện đảm bảo khả thi và không lỗ.

4. Công tác đầu tư, hợp tác đầu tư, khai thác cơ sở vật chất sẵn có và tài sản hình thành từ thu nợ.

- Nhà đất tại số 8 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội gồm 01 tòa nhà mặt đường là nhà chuyên dùng thuê của nhà nước (diện tích đất 1.202 m²; diện tích sàn thuê: 1.382 m²), 01 tòa nhà tự tạo phía trong (04 tầng, diện tích đất: 223 m², diện tích sàn: 892 m²) và sân chung: Công ty khai thác hiệu quả, tuân thủ các quy định về sử dụng nhà chuyên dùng, đang tiếp tục làm việc với cơ quan chức năng thành phố để ký hợp đồng thuê mới (hợp đồng hết hạn tháng 10/2016), nguyên nhân do UBND thành phố Hà Nội dừng ký mới để rà soát lại quỹ nhà, đất chuyên dùng cho thuê trên địa bàn. Năm 2020, Công ty dự kiến sẽ sửa chữa lại một phần tòa nhà mặt đường và chuyển văn phòng làm việc về đây, đồng thời phấn đấu ký hợp đồng thuê mới trong Quý 2/2020.
- Khu đất tại Đông Anh, Hà Nội (2,36ha): Việc triển khai hợp tác đầu tư dự án khu nhà ở tại đây không tiến triển, kéo dài từ năm 2013, Công ty đã làm việc với đối tác hợp tác kinh doanh, tổng hợp các quy định pháp lý mới (Nghị định 167/2017/NĐ-CP quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công hiệu lực từ 01/01/2018 và các quy định khác liên quan), sẽ dừng triển khai dự án, dừng hợp tác đầu tư và tiếp tục cho thuê tài sản tại đây, đồng thời nghiên cứu xây dựng phương án khai thác sử dụng mới đúng quy định của pháp luật hiện hành và có hiệu quả.
- Nhà, đất tại phường Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội: Công ty đã có Nghị quyết, Quyết định đầu tư xây dựng công trình nhà ở quy mô nhỏ mục đích cho thuê, Công ty đã nộp hồ sơ xin phép xây dựng tại UBND quận Thanh Xuân và đang tiếp tục thực hiện các thủ tục thẩm định Hồ sơ theo hướng dẫn tại Sở Xây dựng Hà Nội. Công ty đang thúc đẩy tiến độ giải quyết các thủ tục để sớm triển khai thực hiện theo quy định.
- Quản lý tốt hợp tác kinh doanh tại nhà số 7 Đinh Tiên Hoàng, Hoàn Kiếm, Hà Nội và các tài sản hình thành từ thu nợ.

5. Công tác khác.

- Công tác lao động, đào tạo và các hoạt động của các tổ chức đoàn thể: đã thực hiện được 78 lượt đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, khoa học công nghệ. Các tổ chức đoàn thể hoạt động sôi nổi, tích cực, nhiều phong trào thi đua, văn nghệ, thể thao được tổ chức nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho

CBNV; các chế độ phúc lợi cho người lao động được quan tâm đầy đủ; có chính sách chăm lo, khen thưởng cho con CBNV nhân các ngày lễ; thu nhập của người lao động ngày một cải thiện, năm sau cao hơn năm trước.

- Công tác an sinh xã hội: toàn thể CBNV Công ty luôn hưởng ứng tham gia các phong trào từ thiện xã hội và các phong trào đoàn thể do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP, tổ chức Công đoàn cấp trên và Công đoàn Công ty phát động.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD GIAI ĐOẠN 2015 – 2020.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Tổng doanh thu	931,92	983,51	989,74	1.261,32	1.770,59
	Trong đó: Công ty Mẹ	664,40	758,07	764,90	914,26	966,07
2	Lợi nhuận trước thuế	14,83	26,06	29,16	35,03	43,71
	Trong đó: Công ty Mẹ	15,63	26,50	29,62	36,41	43,29
3	Lợi nhuận sau thuế	14,72	26,05	28,84	34,72	43,03
	Trong đó: Công ty Mẹ	15,52	26,50	29,62	36,41	43,29
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức	4%	5%	6%	7%	8%
5	Nộp NSNN	38,65	16,56	13,72	9,05	8,91

Đánh giá kết quả đạt được.

Hoạt động kinh doanh của Công ty có sự tăng trưởng và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch, từ năm 2015 đến năm 2019 các chỉ tiêu chính đều tăng trưởng 2 đến 3 lần, cụ thể doanh thu tăng từ 931,92 tỷ đồng lên mức 1.770,59 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế tăng từ 14,72 tỷ đồng lên mức 43,03 tỷ đồng tỷ lệ chi trả cổ tức lên mức 8% (dự kiến năm 2019), trong 05 năm không để phát sinh bất kỳ khoản công nợ khó đòi nào, thu hồi được 187,28 tỷ đồng nợ quá hạn, đã trích lập 100% dự phòng các khoản công nợ khó đòi. Đánh giá các công tác chính như sau:

- Công tác sản xuất kinh doanh.
 - + Công ty đã chuyển đổi cơ cấu ngành hàng, lĩnh vực hoạt động, tập trung cung cấp vật tư thiết bị cho các nhà máy điện trong Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP, các dự án, nhà máy trong và ngoài ngành, giảm dần lĩnh vực kinh doanh thương mại thuần túy.

- + Đẩy mạnh nghiên cứu, tìm kiếm các cơ hội đầu tư, hợp tác đầu tư, làm việc với các hãng sản xuất thiết bị gốc (OEM), các nhà cung cấp để làm đại lý phân phối.
- Công tác tài chính và thu hồi công nợ.
 - + Thực hiện lập kế hoạch tài chính cụ thể, thu xếp đầy đủ các nguồn vốn tự có, nguồn vốn tín dụng, không có tình trạng thiếu vốn kinh doanh.
 - + Công tác thu hồi công nợ được triển khai hiệu quả đồng bộ, Công ty thành lập Ban thu hồi công nợ do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Trưởng Ban, tập trung quyết liệt tổ chức công tác thu hồi nợ, không để phát sinh bất kỳ khoản công nợ quá hạn nào mới, đáp ứng đủ vốn cho mọi hoạt động kinh doanh, đầu tư của Công ty.
- Công tác tái cấu trúc, sắp xếp đổi mới và tổ chức, bộ máy.
 - + Đã tái cơ cấu lại toàn bộ hoạt động kinh doanh, tập trung vào ngành nghề kinh doanh cốt lõi, chuyển dịch cơ cấu từ thương mại thuần túy sang lĩnh vực thương mại có hàm lượng kỹ thuật cao.
 - + Sắp xếp lại các phòng ban và các đơn vị thành viên theo hướng tinh gọn phù hợp với nhiệm vụ kinh doanh chính.
 - + Công tác thoái vốn và tái cơ cấu.
 - Đã giải thể Chi nhánh Công ty tại Thành Phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh theo Quyết định số 0153/QĐ/MTB-HĐQT ngày 31/12/2015. Thoái vốn tại Công ty CP Máy – Thiết bị Đà Nẵng không còn chi phối, tiếp tục nghiên cứu thị trường, nắm bắt thêm nhu cầu nhà đầu tư, lựa chọn thời điểm thích hợp để tiếp tục phương án thoái vốn. Rà soát, nghiên cứu các quy định pháp lý để tái cơ cấu Công ty TNHH MTV Máy – Thiết bị Dầu khí Sài Gòn.
 - Các đơn vị gồm Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam, Công ty CP PEC Hà Nội, Công ty CP Máy – Thiết bị Việt Nam, Công ty CP Đóng mới và sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch, Công ty CP thực phẩm Nghệ An: tiếp tục giám sát hoạt động của đơn vị, đồng thời nghiên cứu, cập nhật các quy định pháp luật, hướng dẫn mới về thoái vốn phù hợp với điều kiện các đơn vị này để xây dựng phương án thoái vốn phù hợp đảm bảo khả thi và không lỗ.
- Cổ phiếu của Công ty đã được giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán UPCOM từ ngày 20/12/2016.

PHẦN II
PHƯƠNG HƯỚNG TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH NĂM 2020
VÀ GIAI ĐOẠN 2020 – 2025

I. TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020.

1. Nhiệm vụ kế hoạch.

- Bố trí nguồn lực thực hiện các dự án, hợp đồng đã ký kết đảm bảo chất lượng, hiệu quả.
- Tích cực tham gia, cung cấp thiết bị, vật tư đầu vào cho công tác sản xuất và công tác sửa chữa, bảo dưỡng hạ tầng, công trình xây dựng của các nhà máy điện, đặt mục tiêu chất lượng, hiệu quả lên hàng đầu. Đồng thời xây dựng chương trình khảo sát các nhà máy điện và hợp tác các nhà thầu cung cấp thiết bị O&M để tìm kiếm có hội phát triển SXKD, đặt mục tiêu trở thành nhà phân phối chính thức tại Việt Nam của các nhà cung cấp thiết bị cho các dự án điện.
- Tập trung quyết liệt xử lý, thu hồi công nợ. Cụ thể:
- + Xây dựng kế hoạch thu hồi nợ chi tiết.
- + Thường xuyên theo dõi, quản lý, giám sát chặt chẽ các phương án kinh doanh đảm bảo tuyệt đối không để phát sinh các khoản nợ quá hạn mới.
- Chuyển giao dịch cổ phần trên sàn HOSE.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch.

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2020
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.500,00
	Trong đó: Công ty mẹ	Nt	960,00
2	Lợi nhuận trước thuế	Nt	42,00
	Trong đó: Công ty mẹ	Nt	40,00
3	Lợi nhuận sau thuế	Nt	41,60
	Trong đó: Công ty mẹ	Nt	40,00
4	Nộp ngân sách nhà nước	Nt	7,00
5	Kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa, Đầu tư mua sắm trang thiết bị	Nt	13,42
6	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	10

3. Các giải pháp chính.

a. Công tác kinh doanh.

- Nghiên cứu, tìm kiếm các cơ hội, đối tác để đầu tư, góp vốn và hợp tác đầu tư các dự án, nhà máy cho mục tiêu phát triển bền vững, ổn định trong tương lai như thủy điện, năng lượng tái tạo.
- Hợp tác với các nhà sản xuất, cung cấp thiết bị gốc OEM để làm nhà phân phối, đại lý phân phối.
- Không ngừng nâng cao năng lực, tích lũy kinh nghiệm, có cơ chế khuyến khích CBNV tham gia tìm kiếm công việc. Tự thực hiện các dự án do Công ty đầu tư và đấu thầu.
- Triển khai các phương án kinh doanh thương mại với các đối tác, khách hàng có uy tín; tìm kiếm và thực hiện kinh doanh các mặt hàng mới có tính thanh khoản, phù hợp với điều kiện của Công ty và đảm bảo an toàn vốn.

b. Công tác tài chính và thu hồi công nợ.

- Giám sát, quản lý chặt chẽ việc phê duyệt các phương án kinh doanh đảm bảo tuyệt đối không để phát sinh các khoản nợ quá hạn.
- Tiếp tục làm việc với tòa án, khách hàng để khởi kiện ra tòa các cấp các khoản nợ còn tồn đọng. Xây dựng các giải pháp đột phá trong công tác thu hồi, Ban thu hồi công nợ thường xuyên phối hợp với Ban chỉ đạo thu hồi công nợ Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP trong công tác thu hồi.

c. Công tác tái cấu trúc.

- Hỗ trợ, giám sát hoạt động kinh doanh đối với các đơn vị thông qua người đại diện phần vốn.
- Bám sát thị trường chứng khoán, nghiên cứu các văn bản pháp lý mới phù hợp với điều kiện các đơn vị để xây dựng các phương án tái cơ cấu, thoái vốn đảm bảo khả thi, không lỗ và tiết kiệm chi phí.

d. Công tác đầu tư, khai thác cơ sở vật chất sẵn có.

- Quản lý khai thác hiệu quả và đúng quy định tại số 8 Tràng Thi và nhà số 7 Đình Tiên Hoàng, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Thực hiện các thủ tục chấm dứt hợp tác kinh doanh tại khu đất Đông Anh, Hà Nội, tiếp tục cho thuê kho tại đây. Hoàn thiện đầy đủ pháp lý, cập nhật các quy định, lập và quản lý hiệu quả các cơ sở vật chất của Công ty.

e. Công tác tổ chức bộ máy, đào tạo nguồn nhân lực và công tác khác.

- Tổ chức đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ nhân viên để nâng cao năng lực

chuyên môn, năng động và chuyên nghiệp. Xây dựng chế độ đãi ngộ phù hợp, đặc biệt là đối với bộ phận trực tiếp triển khai, đảm bảo đáp ứng được yêu cầu tham gia các dự án lớn đòi hỏi trình độ chuyên môn sâu.

- Thường xuyên cập nhật, hoàn thiện hệ thống văn bản, các quy chế quản lý nội bộ phù hợp.
- Tổ chức các phong trào thi đua lao động, đẩy mạnh hoạt động của Công đoàn, Đoàn thanh niên, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật gắn với nhiệm vụ kinh doanh của Công ty

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2020 – 2025.

1. Mục tiêu tổng quát.

- Phát triển bền vững, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu. Phấn đấu đưa Công ty trở thành một hạt nhân quan trọng trong chuỗi sản xuất và kinh doanh điện năng của Tổng Công ty Điện lực dầu khí Việt Nam - CTCP.
- Cơ cấu lại lĩnh vực hoạt động kinh doanh, tập trung vào lĩnh vực thương mại kỹ thuật có hàm lượng kỹ thuật cao, nâng tỷ trọng lĩnh vực đại lý phân phối, cung cấp vật tư, thiết bị, phụ tùng cho dự án, nhà máy trong và ngoài ngành. Phấn đấu làm nhà phân phối, đại diện phân phối của ít nhất từ 2-6 hãng sản xuất giai đoạn đến năm 2025.
- Tìm kiếm, phát triển dự án đầu tư mới, hợp tác đầu tư với đối tác có năng lực đảm bảo hiệu quả và phù hợp với định hướng, ngành nghề cốt lõi.
- Đầu tư, khai thác hiệu quả các tài sản, cơ sở vật chất của Công ty. Tích cực triển khai công tác thu hồi công nợ, thoái vốn và tái cơ cấu.

2. Kế hoạch phát triển kinh doanh.

2.1. Lĩnh vực kinh doanh thương mại.

- Phát triển hệ thống đại lý kinh doanh xe ô tô Mitsubishi theo hướng chuyên nghiệp, đáp ứng tiêu chuẩn của hãng; nghiên cứu phát triển mở rộng hệ thống Đại lý xe ô tô Mitsubishi. Phấn đấu đến năm 2025 đạt 03 đại lý theo quy hoạch của hãng.
- Phát triển, mở rộng kinh doanh phân phối thiết bị điện theo hợp đồng đã ký với Tập đoàn Siemens.
- Tìm kiếm, nghiên cứu, hợp tác với các nhà sản xuất thiết bị gốc để làm Nhà phân phối, Đại lý phân phối. Phấn đấu đến năm 2025, là nhà phân phối, đại lý phân phối cho ít nhất 06 hãng, nhà sản xuất.

- Cung cấp vật tư, thiết bị đầu vào cho các công trình, dự án, nhà máy trong và ngoài ngành. Giữ vững mối quan hệ các khách hàng, đối tác tin cậy, lâu năm, đồng thời tìm kiếm các mặt hàng mới để triển khai đa dạng.

2.2. Lĩnh vực đầu tư dự án, khai thác cơ sở vật chất sẵn có, đầu tư tài chính và dịch vụ khác.

- Nghiên cứu các cơ hội để triển khai thực hiện đầu tư như đầu tư các dự án năng lượng, đầu tư vào lĩnh vực ngành nghề sản xuất có hàm lượng công nghệ cao, phát triển các giải pháp tiết kiệm điện năng, giải pháp phát triển hệ thống điện thông minh cho các tòa nhà và nhà máy công nghiệp.
- Đầu tư khai thác hiệu quả các cơ sở vật chất gồm: nhà đất tại số 8 Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội; nhà số 7 Đinh Tiên Hoàng, Hoàn Kiếm, Hà Nội; kho tại khu đất Đông Anh, Hà Nội; nhà tại Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội; phần vốn góp tại dự án HH3 Nam An Khánh, Hà Nội và các tài sản hình thành từ thu nợ.
- Quản lý hiệu quả, an toàn vốn góp tại các Liên doanh với Nhật Bản.
- Phát triển dịch vụ xuất khẩu lao động, trong đó tập trung giữ vững và phát triển thị trường Nhật Bản, đồng thời nghiên cứu mở rộng các thị trường mới phù hợp.

3. Các chỉ tiêu tài chính.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Tổng doanh thu	1.500	1.530	1.560	1.600	1.650	1.700
2	Lợi nhuận trước thuế	42,0	52,0	54,0	58,0	61,0	64,0
3	Lợi nhuận sau thuế	41,6	50,0	52,0	56,0	59,0	62,0
4	Tỷ lệ cổ tức	10%	11%	12%	13%	14%	15%
5	Nộp NSNN	7,0	7,5	8,0	8,5	9,0	9,5

(Các chỉ tiêu có thể thay đổi tùy điều kiện sản xuất kinh doanh, định hướng đầu tư phát triển mở rộng ngành nghề từng năm)

4. Một số giải pháp chính.

4.1. Giải pháp về kinh doanh.

- Triển khai tốt hợp đồng đại lý đã ký kết với Tập đoàn Siemens; tìm kiếm, khảo sát các địa điểm có lợi thế thương mại tối ưu, làm việc với Công ty TNHH Mitsubishi Việt Nam thiết lập đại lý xe ô tô.
- Giữ vững, mở rộng quan hệ bạn hàng với các đối tác, khách hàng. Kinh doanh các mặt hàng mới có tính thanh khoản, hiệu quả và an toàn vốn.
- Nghiên cứu chương trình nội địa hóa, tiến tới tự chủ thiết bị, phụ tùng thay thế tương đương các nhà sản xuất gốc cung cấp cho các nhà máy, dự án.
- Bám sát các dự án chuẩn bị đầu tư của Tổng Công ty, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Nhà máy khí điện Nhơn Trạch 3&4...) để triển khai thực hiện các nguồn việc.

4.2. Giải pháp tài chính và thoái vốn.

- Làm việc với các ngân hàng, tổ chức tín dụng đảm bảo đủ vốn, hạn mức cho hoạt động kinh doanh. Giám sát, quản lý chặt chẽ việc phê duyệt các phương án kinh doanh đảm bảo tuyệt đối không để phát sinh các khoản nợ quá hạn.
- Nghiên cứu, cập nhật các quy định pháp lý về thoái vốn các đơn vị chưa phải là Công ty đại chúng để thực hiện. Quản lý tài chính hiệu quả, nâng cao vòng quay vốn.
- Quyết liệt triển khai hoàn thành công tác thu hồi công nợ.

4.3. Giải pháp về công tác đầu tư, khai thác cơ sở vật chất sẵn có.

- Tìm kiếm, khảo sát, nghiên cứu, đánh giá các cơ hội đầu tư, dự án đầu tư đáp ứng yêu cầu về hiệu quả, pháp lý để thực hiện đầu tư phù hợp với lĩnh vực phát triển ngành nghề cốt lõi của Công ty, Tổng Công ty; liên kết với các Viện nghiên cứu, Trường đại học nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các giải pháp tiết kiệm điện năng, giải pháp phát triển hệ thống điện thông minh tòa nhà và nhà máy công nghiệp để thi công lắp đặt.
- Áp dụng công nghệ vào quản lý khai thác hệ thống cơ sở vật chất để tăng cường hiệu quả đầu tư.

4.4. Giải pháp tổ chức bộ máy, đào tạo nguồn nhân lực.

- Rà soát, sắp xếp, tuyển dụng, đào tạo lao động có chuyên môn phù hợp với chiến lược phát triển lĩnh vực ngành nghề.
- Xây dựng cơ chế chi trả lương thưởng, khuyến khích đóng góp của cá nhân cho doanh nghiệp.

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2019, giai đoạn 2015 – 2020 và phương hướng triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2020, giai đoạn 2020 – 2025, Công ty kính báo cáo Đại hội.

Kính chúc Đại hội thành công!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KHĐT.

GIÁM ĐỐC *h*



Nguyễn Đình Trung

- Ngày 06/7/2016, ông **Mai Quang Vinh** làm thành viên HĐQT thay ông Đỗ Xuân Bình.
- Ngày 27/4/2017, bà **Tô Ngọc Tuyết** làm thành viên HĐQT thay ông Mai Quang Vinh.

Việc thay đổi thành viên Hội đồng quản trị trên là do có sự sắp xếp, điều động cán bộ của cổ đông lớn nắm quyền chi phối Công ty đó là PV Power, vì vậy không ảnh hưởng đến công tác quản trị Công ty. Trong nhiệm kỳ vừa qua, HĐQT hoạt động tương đối ổn định, cùng với sự cố gắng phấn đấu nỗ lực của tập thể Ban lãnh đạo, CBCNV Công ty; được sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời của Tổng Công ty, PVMACHINO đã vượt qua được giai đoạn khó khăn và đạt được những kết quả nhất định.

2.1. Kết quả sản xuất kinh doanh.

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		TH	%TH/KH	TH	%TH/KH	TH	%TH/KH	TH	%TH/KH	TH	%TH/KH
1	Tổng doanh thu	931,92	155%	983,51	141%	989,74	132%	1.261,32	148%	1.770,59	148%
2	Lợi nhuận trước thuế	14,83	99%	26,06	113%	29,16	106%	35,03	109%	43,71	112%
3	Lợi nhuận sau thuế	14,72	111%	26,05	113%	28,84	105%	34,72	109%	43,03	111%
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	4%	-	5%	100%	6%	100%	7%	100%	8%	100%
5	Vốn chủ sở hữu	443,53	101%	452,28	99%	450,56	101%	450,85	100%	475,16	103%
6	Vốn Điều lệ	386,38	100%	386,38	100%	386,38	100%	386,38	100%	386,38	100%
7	Nộp NSNN	38,65	193%	16,56	71%	13,72	249%	9,05	104%	8,91	136%
8	Thu nhập bình quân (Tr.đ/ng/tháng)	12,29	109%	14,04	105%	15,29	132%	16,65	127%	18,43	102%

Các chỉ tiêu kế hoạch từ năm 2015 đến 2019, Công ty đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức, có sự tăng trưởng ổn định qua các năm; tỷ lệ chi trả cổ tức tăng 100%, từ mức 4% năm 2015 lên 8% năm 2019.

PVMACHINO đang trong quá trình chuyển dịch cơ cấu doanh thu, tỷ trọng doanh thu trong ngành ngày một nâng cao, Công ty đã dần khẳng định được vai trò là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam trong lĩnh vực cung cấp vật tư, thiết bị, cùng tham gia vào chuỗi sản xuất kinh doanh điện năng của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP.

2.2. Công tác tái cấu trúc.

Giai đoạn 2015-2020, Công ty tiếp tục thực hiện đề án tái cấu trúc Công ty, Công tác tái cấu trúc còn chậm, chưa đạt được mục tiêu đề ra:

- Đã hoàn thành giải thể Chi nhánh Công ty tại Thành Phố Móng cái, tỉnh Quảng Ninh theo Quyết định số 0153/QĐ/MTB-HĐQT ngày 31/12/2015;
- Giảm tỷ lệ sở hữu, không còn nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng;
- Công ty TNHH MTV Máy – Thiết bị Dầu khí Sài Gòn còn gặp nhiều khó khăn chưa giải quyết được căn bản những tồn tại về tài chính, công nợ nên chưa thể thực hiện tái cơ cấu tại đơn vị này;
- Chưa thoái vốn được tại các đơn vị: Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam, Công ty CP PEC Hà Nội, Công ty CP Máy – Thiết bị Việt Nam, Công ty CP Đóng mới và sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch, Công ty CP thực phẩm Nghệ An bởi các đơn vị này hoạt động kém hiệu quả, thậm chí một số đơn vị đang trong tình trạng tạm dừng hoạt động, vì vậy không thu hút, tìm kiếm được đối tác đầu tư để thực hiện thoái vốn.

2.3. Công tác tài chính, thu hồi công nợ

Hội đồng quản trị tham gia trực tiếp vào Ban thu hồi công nợ, Chủ tịch Hội đồng quản trị là Trưởng Ban, đã xây dựng các phương án thu hồi nợ cụ thể có tính khả thi cao dựa trên nguyên tắc thúc đẩy hiệp thương để giải quyết thu hồi công nợ; kết hợp linh hoạt giữa các công cụ pháp lý và hòa giải nhằm mục đích thu hồi nợ tối đa và không để phát sinh công nợ quá hạn mới.

Trong 05 năm qua, Công ty đã thu hồi được tổng số 187 tỷ/396 tỷ đồng nợ phải thu quá hạn và đang tiếp tục hoàn thiện hồ sơ pháp lý để nhận chuyển nhượng các tài sản抵 trừ công nợ của khách hàng. Tuy nhiên, kết quả thu hồi công nợ chưa đạt được kỳ vọng, mục tiêu đề ra, công tác thu hồi công nợ còn gặp nhiều khó khăn do

khách hàng không có khả năng thanh toán, lâm vào tình trạng phá sản, một số khoản nợ có bảo lãnh của Ngân hàng đã khởi kiện, bị kéo dài do trình tự tố tụng phức tạp và có liên quan đến các vụ việc khác...

Các khoản công nợ quá hạn đến thời điểm 31/12/2019 là: 208,25 tỷ đồng đã được Công ty trích lập dự phòng đầy đủ.

2.4. Công tác quản lý cơ sở vật chất, hợp tác đầu tư.

- Hợp đồng thuê nhà, đất tại số 8 Tràng Thi đã hết hạn từ tháng 10/2016, Công ty vẫn chưa ký được gia hạn hợp đồng thuê nhà, đất tại đây do UBND thành phố Hà Nội đang trong quá trình rà soát lại quỹ nhà chuyên dùng. Công ty đang tiếp tục bám sát Công ty TNHH Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội để ký tiếp hợp đồng thuê nhà, đất tại đây.
- Hợp tác đầu tư tại khu đất Đông Anh, Hà Nội (2,36 ha): việc triển khai hợp tác đầu tư dự án khu nhà ở tại đây không tiến triển, kéo dài từ năm 2013; liên quan đến Nghị định 167/2017/NĐ-CP quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 và các quy định khác liên quan. Ngày 13/01/2020, Công ty ban hành Nghị quyết số 0007/NQ/MTB-HĐQT về việc chủ trương chấm dứt hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Thành Việt để nghiên cứu, xem xét phương án đầu tư phù hợp, khả thi.
- Dự án HH3 Nam An Khánh: Đặc điểm Công ty là cổ đông nhỏ của dự án (nắm giữ 10% vốn góp) nên không có quyền chi phối, quyết định. Hiện tại, các cổ đông khác của dự án chưa có động thái thực hiện nên tiến độ của dự án vẫn chưa có tiến triển. Công ty tiếp tục theo dõi, xây dựng các giải pháp quản lý rủi ro để đảm bảo quyền lợi và giá trị tham gia góp vốn của PVMACHINO vào dự án tương đương với giá trị khoản công nợ được khấu trừ.
- Nhà, đất tại Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội: Công ty đã có Nghị quyết số 0106/NQ/MTB-HĐQT ngày 16/7/2019 về việc thông qua chủ trương dự án đầu tư xây dựng nhà tại phường Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Tiếp tục hợp tác kinh doanh tại nhà số 7 Đình Tiên Hoàng, Hoàn Kiếm, Hà Nội và quản lý chặt chẽ các tài sản hình thành từ thu nợ.

2.5. Công tác quản lý, giám sát hoạt động đối với Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

- Năm 2019, Hội đồng quản trị đã tiến hành các phiên họp thường kỳ và xin ý kiến bằng văn bản, đã ban hành tổng số 45 nghị quyết, quyết định để thực thi nhiệm vụ, đôn đốc chỉ đạo và giám sát tình hình hoạt động toàn Công ty. Chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

- HĐQT gồm 05 thành viên, trong đó 01 thành viên kiêm Giám đốc Công ty, do vậy việc tổ chức triển khai nhiệm vụ của Giám đốc/Ban điều hành được thực hiện nhanh chóng, kịp thời đảm bảo tuân thủ pháp luật và theo đúng các quy định hiện hành.
- Thường xuyên tham gia các cuộc họp của Ban điều hành để nắm bắt tình hình và đôn đốc, chỉ đạo kịp thời.
- Tổ chức kiểm tra, giám sát kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm của các đơn vị thành viên.
- Chỉ đạo, quản lý Người đại diện phần vốn tại các đơn vị có đầu tư góp vốn qua các báo cáo quản trị theo Điều lệ, Quy chế quản lý phần vốn và các quy định hiện hành.
- HĐQT phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty xây dựng thực hiện chương trình giám sát cụ thể tình hình hoạt động của toàn Công ty.
- Tiền lương/thù lao của Hội đồng quản trị năm 2019:
 - + Chủ tịch HĐQT, Ủy viên HĐQT chuyên trách được chi trả thù lao theo Quy chế quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty: 2.065.849.572 đồng
 - + Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm: 72.000.000 đồng (3.000.000 đ/người/tháng).

2.6. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD hàng năm của Công ty đã hoàn thành, hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra, tuy nhiên còn một số nhiệm vụ chưa hoàn thành:

- *Thứ nhất:* Công tác tái cấu trúc còn chậm, chưa đạt được kế hoạch, mục tiêu đề ra. Nguyên nhân, giá trị cổ phiếu giao dịch trên thị trường quá thấp so với giá trị Công ty đã đầu tư, một số đơn vị hoạt động không hiệu quả, dừng hoạt động do vậy không thu hút, tìm kiếm được các nhà đầu tư phù hợp;
- *Thứ hai:* Kết quả thu hồi công nợ chưa đạt được kỳ vọng, mục tiêu đề ra. Nguyên nhân, do tình hình tài chính của khách hàng gặp nhiều khó khăn, không có khả năng trả nợ, đang lâm vào tình trạng phá sản. Mặt khác, đối với các khoản nợ đã khởi kiện, trình tự thủ tục pháp lý phụ thuộc vào tiến độ thụ lý hồ sơ của các cơ quan chức năng tiến hành tố tụng. Bên cạnh đó, việc thu hồi công nợ bằng tài sản phải tiến hành nhiều thủ tục pháp lý liên quan;
- *Thứ ba:* Công tác đầu tư chưa có chuyển biến tích cực, các dự án chậm tiến độ, kéo dài, phải dừng hợp tác, hoặc chưa có phương án triển khai cụ thể như dự án HH3- Nam An Khánh;

Và đến nay, cổ phiếu PVM vẫn chưa được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NHIỆM KỲ III (2020-2025).

1. Bối cảnh chung nhiệm kỳ III (2020 - 2025)

Những thuận lợi và khó khăn

a) *Thuận lợi*: PVMACHINO là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, do Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (PV Power) nắm quyền chi phối, PV Power là một trong những Tổng Công ty mạnh trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam chuyên về lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện năng đã mở ra cho Công ty những cơ hội mới về việc cung cấp vật tư, thiết bị, phụ tùng tiêu hao và dịch vụ sau bán hàng trong và ngoài ngành. Với truyền thống, bề dày kinh nghiệm trên 60 năm trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, thương mại, đây là nền tảng vững chắc, giúp PVMACHINO sớm khẳng định và nâng cao được vị thế trên thị trường.

b) *Khó khăn*: Giai đoạn 2020 - 2025, kinh tế Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới: Việt Nam ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương, đặc biệt là Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) và sắp tới là Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) và đang bước sang thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0. Bên cạnh đó, nền kinh tế thế giới đang phải ứng phó với các tác động tiêu cực bởi xung đột thương mại giữa Mỹ - Trung Quốc, nội chiến, xung đột khu vực và dịch bệnh bùng phát... Đây là những khó khăn, thách thức, buộc các doanh nghiệp nói chung và PVMACHINO nói riêng phải nâng cao năng lực cạnh tranh.

2. Các chỉ tiêu chính (2020 – 2025).

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Tổng doanh thu	1.500	1.530	1.560	1.600	1.650	1.700
2	Lợi nhuận trước thuế	42,0	52,0	54,0	58,0	61,0	64,0
3	Lợi nhuận sau thuế	41,6	50,00	52,00	56,00	59,00	62,0
4	Tỷ lệ cổ tức	10%	11%	12%	13%	14%	15%
5	Nộp NSNN	7,0	7,5	8,0	8,5	9,0	9,5

(Các chỉ tiêu có thể thay đổi tùy điều kiện sản xuất kinh doanh, định hướng đầu tư phát triển mở rộng ngành nghề từng năm)

3. Phương hướng, nhiệm vụ

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hiệu quả, minh bạch; thường xuyên cập nhật, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ phục vụ cho công tác quản lý, điều hành Công ty;
- Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc theo chủ trương tái cơ cấu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), PV Power, đẩy mạnh công tác thoái vốn tại các đơn vị; rà soát và kiện toàn cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả:
 - + Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành hàng, tập trung vào việc mở rộng lĩnh vực cung cấp vật tư, thiết bị, phụ tùng cho các dự án trong ngành, nâng dần tỷ trọng doanh thu từ lĩnh vực cung cấp vật tư, thiết bị này từ 30% đến 50% tổng doanh thu;
 - + Xây dựng chương trình khảo sát các nhà máy điện và hợp tác các nhà thầu cung cấp thiết bị OEM để tìm kiếm cơ hội phát triển SXKD, đặt mục tiêu trở thành nhà phân phối chính thức tại Việt Nam của một số nhà cung cấp thiết bị cho các dự án điện;
 - + Tiếp tục duy trì, ổn định kinh doanh thương mại những mặt hàng cốt lõi của Công ty. Đồng thời mở rộng, phát triển mạng lưới kinh doanh dịch vụ, đại lý bán hàng cho một số hãng ô tô có thương hiệu, uy tín trên thị trường tại một số tỉnh miền Bắc;
 - + Tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư, góp vốn vào các dự án thủy điện, điện gió và năng lượng tái tạo khác thuộc lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ chính của Tổng công ty.

Đưa PVMACHINO phát triển vững mạnh, phấn đấu trở thành đơn vị chủ lực cung cấp vật tư, thiết bị, phụ tùng tiêu hao và dịch vụ sau bán hàng trong Tổng công ty, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh trong và ngoài ngành;

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, sớm đưa tài sản hình thành từ việc đối trừ công nợ vào sử dụng, khai thác hiệu quả;
- Tăng cường công tác quản lý tài chính, quản trị rủi ro, tập trung giải quyết, xử lý dứt điểm các khoản công nợ quá hạn, kéo dài; tiếp tục theo dõi, bám sát và đẩy nhanh tiến độ khởi kiện và đòi bồi thường các khoản công nợ có bảo lãnh của ngân hàng trong thời gian tới;
- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát toàn bộ hệ thống Công ty, đặc biệt là Người đại diện phần vốn tại các đơn vị trên cơ sở kế hoạch, tiến độ thực

hiện theo từng tháng/quý/năm và nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ/HĐQT Công ty thông qua;

- Chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực, có chính sách thu hút đội ngũ cán bộ trẻ có năng lực đáp ứng yêu cầu công việc; ứng dụng phần mềm tiên tiến vào trong lĩnh vực quản lý, điều hành Công ty nhằm nâng cao năng lực quản trị, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp;
- Xây dựng và phát huy truyền thống văn hóa “Đoàn kết, năng động, sáng tạo và chuyên nghiệp”, tạo sự đoàn kết, thống nhất trong nội bộ Công ty đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao/ĐHĐCĐ thông qua và sự phát triển bền vững của PVMACHINO;
- Sớm thực hiện niêm yết cổ phiếu PVMACHINO trên Sở giao dịch chứng khoán khi đáp ứng đủ điều kiện; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

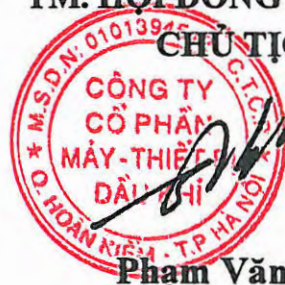
Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ nhiệm kỳ II (2015 - 2020) và phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ III (2020 – 2025), kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hiệp

PHỤ LỤC

(Nghị quyết, Quyết định Hội đồng quản trị năm 2019)

STT	Số NQ/QĐ	Ngày/tháng/năm	Nội dung
1	0005/NQ/MTB-HĐQT	24/01/2019	Thông qua phương án thoái vốn tại PVM-Daesco
2	0006/NQ/MTB-HĐQT	24/01/2019	Nghị quyết thường kỳ Quý I
3	0007/NQ/MTB-HĐQT	24/01/2019	Tạm thông qua kế hoạch SXKD 2019 của Công ty và giao/chấp thuận chỉ tiêu kế hoạch cho các đơn vị
4	0008/NQ/MTB-HĐQT	24/01/2019	Về công tác cán bộ
5	0009/QĐ/MTB-HĐQT	24/01/2019	Ông Nguyễn Đình Phúc thôi đại diện phần vốn của PVMACHINO tại PVM Daesco
6	0010/QĐ/MTB-HĐQT	24/01/2019	Giao quản lý phần vốn góp của PVMACHINO tại PV - Daesco
7	0011/QĐ/MTB-HĐQT	24/01/2019	Thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của Công ty
8	0018/NQ/MTB-HĐQT	06/3/2019	Chốt danh sách cổ đông dự ĐHĐCĐ thường niên 2019
9	0023/NQ/MTB-HĐQT	12/3/2019	Tạm dừng phương án thoái vốn của Công ty tại Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng
10	0027/NQ/MTB-HĐQT	15/3/2019	Thông qua nội dung báo cáo thường niên năm 2018
11	0030/NQ/MTB-HĐQT	18/3/2019	Thông qua các nội dung đề biểu quyết tại cuộc họp HĐQT năm 2019 của Công ty TNHH Việt Nam Nipon Seiki
12	0033/NQ/MTB-HĐQT	19/3/2019	Chủ trương liên danh dự thầu gói thầu XL01-2019
13	0037/NQ/MTB-HĐQT	26/3/2019	Thông qua nội dung biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của PVM-Daesco
14	0041/NQ/MTB-HĐQT	05/4/2019	Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí

STT	Số NQ/QĐ	Ngày/tháng/năm	Nội dung
15	0042/QĐ/MTB-HĐQT	05/4/2019	Triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
16	0054/NQ/MTB-HĐQT	19/4/2019	Chủ trương lựa chọn đơn vị tư vấn lập hồ sơ và đánh giá thị trường dự án khu nhà ở 2,36ha tại Đông Anh, Hà Nội
17	0056/NQ/MTB-HĐQT	22/4/2019	Nghị quyết thường kỳ Quý II
18	0057/NQ/MTB-HĐQT	22/4/2019	Phê duyệt phương án thực hiện gói thầu XL01-2019
19	0059/QĐ/MTB-HĐQT	25/4/2019	Ủy quyền điều hành
20	0066/NQ/MTB-HĐQT	23/5/2019	Chủ trương nhận nhượng quyền thương mại để tổ chức kinh doanh dịch vụ tại số 8, Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
21	0070/NQ/MTB-HĐQT	04/6/2019	Thông qua các nội dung để biểu quyết tại cuộc họp HĐQT thường niên năm 2019 của Công ty TNHH phụ tùng xe máy – ô tô Showa Việt Nam
22	0074/NQ/MTB-HĐQT	13/6/2019	Phương án kinh doanh, khai thác tại số 8, Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
23	0081/NQ/MTB-HĐQT	25/6/2019	Chi trả cổ tức năm 2018 còn lại sau khi đã thực hiện tạm ứng cổ tức
24	0084/NQ/MTB-HĐQT	26/6/2019	Thông qua các nội dung để biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
25	0089/NQ/MTB-HĐQT	01/7/2019	Phương án cho thuê kho, nhà xưởng tại khu đất 2,36ha thuộc xã Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội
26	0091/NQ/MTB-HĐQT	01/7/2019	Phê duyệt kế hoạch vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Hai Bà Trưng
27	0092/NQ/MTB-HĐQT	01/7/2019	Phê duyệt kế hoạch vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Hai Bà Trưng
28	0094/NQ/MTB-HĐQT	01/7/2019	Điều chỉnh danh mục kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa, đầu tư mua sắm trang thiết bị năm 2019
29	0097/NQ/MTB-HĐQT	08/7/2019	Chấp thuận đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019

STT	Số NQ/QĐ	Ngày/tháng/năm	Nội dung
30	0101/NQ/MTB-HĐQT	19/7/2019	Thông qua các nội dung đề biểu quyết tại cuộc họp HĐQT thường niên năm 2019 của Công ty TNHH FCC Việt Nam
31	0106/NQ/MTB-HĐQT	16/7/2019	Chủ trương dự án đầu tư xây dựng nhà tại phường Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
32	0109/NQ/MTB-HĐQT	29/7/2019	Quyết toán tiền lương 2018, kế hoạch lao động tiền lương 2019
33	0112/NQ/MTB-HĐQT	30/7/2019	Nghị quyết thường kỳ Quý III
34	0116/NQ/MTB-HĐQT	13/8/2019	Phương án cho thuê kho, nhà xưởng tại khu đất 2,36ha thuộc xã Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội
35	0121/NQ/MTB-HĐQT	04/9/2019	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị có phần vốn góp năm 2018
36	0125/NQ/MTB-HĐQT	11/9/2019	Chương trình mua bảo hiểm nhân thọ cho CBNV Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí
37	0132/QĐ/MTB-HĐQT	04/10/2019	Chấp thuận cán bộ đi công tác nước ngoài
38	0139/QĐ/MTB-HĐQT	14/10/2019	Xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2018 đối với Người đại diện của PVMACHINO tại các đơn vị có phần vốn góp
39	0141/NQ/MTB-HĐQT	14/10/2019	Nghị quyết thường kỳ Quý IV
40	0144/NQ/MTB-HĐQT	21/10/2019	Thông qua việc bổ nhiệm lại chức danh Phó Giám đốc PVMACHINO
41	0150/QĐ/MTB-HĐQT	14/11/2019	Bổ nhiệm lại Phó giám đốc PVMACHINO
42	0159/NQ/MTB-HĐQT	19/12/2019	Thay đổi người đại diện vốn tại Công ty CP Máy thiết bị Việt Nam
43	0160/QĐ/MTB-HĐQT	19/12/2019	Thôi đại diện phần vốn tại Công ty cổ Phần Máy – Thiết bị Việt Nam
44	0161/QĐ/MTB-HĐQT	19/12/2019	Giao quản lý Phần vốn góp của PVMACHINO tại Công ty cổ Phần Máy – Thiết bị Việt Nam
45	0162/NQ/MTB-HĐQT	19/12/2019	Gia hạn thời gian thuê văn phòng tại tòa nhà CEO, đường Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội



Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2020

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
(TỔNG KẾT NHIỆM KỲ 2015-2020)**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát đã được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí (Công ty) được ĐHĐCĐ thông qua ngày 24/4/2018;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí;

Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2015 – 2020;

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu Khí (BKS) xin báo cáo tới Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2015 – 2020 với các nội dung sau:

1. Nhân sự và hoạt động của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2015 – 2020.

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2015 – 2020 được bầu tại ĐHĐCĐ năm 2015 bao gồm 3 thành viên

- | | |
|-------------------------|---------------------------|
| - Bà Lý Thu Vân | - Trưởng Ban chuyên trách |
| - Bà Hà Thị Thanh Hậu | - Thành viên kiêm nhiệm |
| - Bà Nguyễn Thị Thu Hòa | - Thành viên kiêm nhiệm |

Trong nhiệm kỳ, BKS đã thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao, triển khai các hoạt động trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, và quy chế hoạt động của BKS, theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động quản trị, điều hành và các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty. BKS đã xây dựng kế hoạch hoạt động cho từng năm và được thông qua tại các ĐHĐCĐ thường niên. Các thành viên BKS đều được phân công nhiệm vụ cụ thể phù hợp với năng lực chuyên môn. Cụ thể BKS đã thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Giám sát hoạt động HĐQT, Ban Giám đốc (BGĐ) trong việc triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, thực hiện nhiệm vụ, tuân thủ pháp luật và các quy chế quy định đã được ban hành..
- Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT định kỳ cũng như bất thường, các buổi họp giao ban định kỳ hàng tháng của Ban điều hành để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, BGĐ Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.
- Tổ chức xem xét, thẩm định các BCTC riêng và BCTC hợp nhất hàng quý, năm của Công ty và các đơn vị thành viên được soát xét, kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập.
- Báo cáo ĐHĐCĐ thường niên hàng năm của Công ty về hoạt động của BKS; kết quả giám sát về tình hình hoạt động, việc thẩm định BCTC và kết quả kinh doanh của Công ty; kết quả giám sát HĐQT, Giám đốc và cán bộ quản lý trong việc quản trị và điều hành Công ty.
- Đề xuất tới ĐHĐCĐ thường niên Công ty kiểm toán độc lập thực hiện soát xét Báo cáo tài chính (BCTC) 6 tháng và kiểm toán BCTC năm của Công ty.
- Phối hợp cùng HĐQT, Ban điều hành, các bộ phận trong Công ty thực hiện kiểm tra, giám sát toàn diện các đơn vị phụ thuộc, đơn vị thành viên của Công ty.

Và các nhiệm vụ khác theo quy định tại điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của BKS.

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi thông tin xin ý kiến các thành viên Ban Kiểm soát, duy trì các cuộc họp nhằm thảo luận thống nhất các vấn đề liên quan đến việc thực thi chức trách nhiệm vụ của mình

Thù lao của Ban Kiểm soát

Thù lao của BKS được chi trả theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên đã được ĐH thông qua.

- Trưởng BKS chuyên trách hưởng lương theo Quy chế trả lương và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thành viên BKS kiêm nhiệm: 2.000.000 đồng/người/tháng.

Về chi phí hoạt động của BKS: tuân thủ theo quy định và quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty.

Nhận xét, đánh giá:

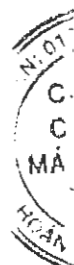
Ưu điểm:

Trên cơ sở quyền và nhiệm vụ đã quy định tại Điều lệ Công ty, với kết quả hoạt động đạt được, BKS tự đánh giá như sau:

- Ban Kiểm soát đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS.
- BKS đã phát huy tốt chức năng của mình trong việc giám sát HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản trị và điều hành Công ty.
- Các thành viên BKS tích cực tham gia đầy đủ các cuộc họp BKS, hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công, theo sát tình hình hoạt động của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng, đề xuất các giải pháp khắc phục. Các phiên họp định kỳ, đột xuất của BKS đều được tổ chức đúng theo các quy định.

Về tồn tại, hạn chế:

- Ban kiểm soát chưa thực hiện được nhiều cuộc kiểm tra theo chuyên đề. Các thành viên BKS (trừ Trưởng ban) làm việc kiêm nhiệm nên thời gian cho công tác kiểm soát của Công ty còn có giới hạn.
- 2. Đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), thành viên Ban Giám đốc (BGĐ) và các cán bộ quản lý.**
- Nhìn chung, trong giai đoạn 2015-2020, HĐQT và Ban điều hành đã chỉ đạo, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng của nhiệm kỳ và mục tiêu hàng năm, các chỉ tiêu kinh doanh do ĐHCĐ thường niên đề ra hàng năm đều đạt và vượt kế hoạch. Các hoạt động của HĐQT đã tuân thủ theo quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty. Qua soát xét BKS chưa phát hiện ra trường hợp nào vi phạm các quy định tại Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty, đặc biệt là việc quy định về trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.
 - HĐQT và Ban điều hành đã có những định hướng đúng đắn cho hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với từng giai đoạn của thị trường, tập trung vào hoạt động tìm kiếm các khách hàng, dự án mới cũng như tiếp tục phát triển với các bạn hàng, đối tác có uy tín.
 - Công tác công bố thông tin theo các quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng và công ty niêm yết của Công ty trong nhiệm kỳ vừa qua đánh giá chung là kịp thời, đầy đủ và tuân thủ đúng với các quy định của pháp



luật hiện hành.

Một số công việc tiêu biểu HĐQT, ban điều hành đã thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ trong nhiệm kỳ 2015 – 2020.

- Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm theo các Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên đã phê duyệt.
- Thu hồi 187,28 tỷ đồng công nợ phải thu quá hạn, trong nhiệm kỳ không để phát sinh nợ phải thu quá hạn mới.
- Cân đối tài chính tốt, thu xếp vốn cho các dự án, hợp đồng về cơ bản đủ để đáp ứng nhu cầu theo tiến độ của Công ty.
- Tham gia thực hiện một số các gói thầu trong và ngoài ngành, xây dựng được uy tín và thương hiệu của PVMACHINO trên thị trường.
- Thực hiện chi trả 22,67% cổ tức tương ứng 87,59 tỷ đồng tiền cổ tức của các năm 2015-2018 cho các cổ đông của Công ty (chưa bao gồm cổ tức của năm 2019).
- Trong nhiệm kỳ, HĐQT đã trình ĐHĐCĐ sửa đổi một số điều của Điều lệ công ty, ban hành quy chế quản trị, sửa đổi một số quy chế hoạt động khác tạo cơ sở cho việc quản trị có hệ thống, tập trung và thống nhất.

Những vấn đề còn tồn tại , hạn chế.

- Chưa thực hiện thoái vốn một số khoản đầu tư từ lâu không mang lại lợi nhuận.
- Hoạt động kinh doanh của một số đơn vị thành viên/ trực thuộc còn chưa hiệu quả
- Công tác thu hồi công nợ không thu được như mong muốn.
- Các hợp đồng thương mại mặt hàng truyền thống doanh số cao nhưng tỷ suất lợi nhuận/ doanh thu thấp ko đủ bù đắp chi phí.
- Công tác sử dụng các tài sản thu hồi được do đối trừ công nợ còn chưa được hiệu quả.

3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

Một số chỉ tiêu cơ bản đạt được trong giai đoạn từ năm 2015 - 2019

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	2015		2016		2017		2018		2019	
		HN	Công ty mẹ	HN	Công ty mẹ	HN	Công ty mẹ	HN	Công ty mẹ	HN	Công ty mẹ
1	Tổng tài sản	813,97	742,29	737,98	700,05	738,79	693,32	667,89	570,97	651,64	567,98
2	Vốn chủ sở hữu	443,53	433,58	452,28	442,78	450,56	450,56	450,85	444,37	475,15	469,70
3	Vốn điều lệ	386,38	386,38	386,38	386,38	386,38	386,38	386,38	386,38	386,38	386,38
4	Tổng doanh thu	931,92	664,40	983,51	758,07	989,74	764,90	1.261,32	914,26	1.770,59	966,07
5	Lợi nhuận trước thuế	14,83	15,63	26,06	26,50	29,16	29,62	35,03	36,41	43,71	43,29
6	Lợi nhuận sau thuế	14,72	15,52	26,05	26,50	28,84	29,62	34,72	36,41	43,03	43,29
7	Nộp NSNN	38,65	12,20	16,56	13,61	13,72	6,21	9,05	6,99	8,91	5,57
8	Tỷ lệ chi trả cổ tức	4%	4%	5%	5%	6%	6%	7%	7%	8%	8%
9	Hệ số bảo toàn vốn	103%	103%	102%	102%	100%	102%	100%	99%	105%	105%
10	Tỷ lệ LN sau thuế/ Vốn điều lệ	4%	4%	7%	7%	7%	8%	9%	9%	11%	11%

- Doanh thu và lợi nhuận toàn Công ty cũng như Công ty mẹ đều có sự tăng trưởng hàng năm. Công ty đã có sự chuyển dịch trong lĩnh vực kinh doanh từ kinh doanh thương mại thuần túy sang cung cấp thiết bị dự án, một số dự án tiêu biểu trong giai đoạn Công ty đã thực hiện được như: Gói thầu EX13 - ITS - Dự án đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng do Tổng công ty VIDIFI làm Chủ đầu tư với giá trị 785 tỷ đồng, phần việc của Công ty chiếm 30% tổng giá trị gói thầu; cung cấp Máy phát điện cho dự án phân phối khí thấp áp Thái Bình do Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư với giá trị 80 tỷ đồng; cung cấp vật tư, thiết bị cho dự án chống ngập tại TP.Hồ Chí Minh với tổng mức đầu tư 10.000 tỷ đồng do Công ty Cổ phần Xây dựng Trung Nam làm Chủ đầu tư, tổng doanh số cung cấp cho dự án đạt trên 600 tỷ đồng...
- Tổng tài sản giảm theo các năm là do tổng nợ phải thu của Công ty đã giảm tương ứng theo đó tài sản ngắn hạn cũng giảm.
- Công tác thu hồi công nợ đặc biệt được quan tâm chỉ đạo sát sao của Ban thu hồi công nợ, tổ thu hồi công nợ gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Phòng Tài chính kế toán với chế độ họp định kỳ để đánh giá kết quả thực hiện đồng thời chỉ đạo triển khai các công việc theo tiến độ nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu thu hồi đặt ra. Trong giai đoạn 2015 - 2020, các khoản nợ có bảo lãnh ngân hàng và một số khoản nợ lớn đều được khởi kiện ra tòa án các cấp, một số vụ kiện đã xét xử và tuyên án buộc khách hàng phải trả nợ cho Công ty. Công ty đã đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ đối với các khoản nợ tuy nhiên kết quả chưa đạt được là do việc thu hồi nợ bằng tài sản có giá trị của khách nợ phải tiến hành nhiều thủ tục pháp lý phức tạp, việc đánh giá phương án sử dụng/kinh doanh tài sản thu hồi cũng cần phải cân nhắc hiệu quả nên ảnh hưởng đến tiến độ thu hồi nợ, đối với các khoản nợ đã khởi kiện phụ thuộc khách quan vào tiến độ thụ lý hồ sơ và trình tự xét xử của cơ quan tố tụng. Tính đến thời điểm 31/12/2019, khoản phải thu ngắn hạn theo BCTC đã được kiểm toán là 329,62 tỷ đồng, giảm 59,05 tỷ đồng so với năm trước (Công ty Mẹ: phải thu ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2019 là 284,47 tỷ đồng, giảm 42,76 tỷ đồng). Trong đó công nợ quá hạn là 270,13 tỷ đồng (Công ty mẹ: công nợ phải thu quá hạn là 208,25 tỷ đồng).
- Công ty đã trích lập dự phòng các khoản phải thu là 237,29 tỷ đồng (trong đó Công ty mẹ trích lập 208,25 tỷ đồng).

- Đến 31/12/2019, dư vay ngắn hạn toàn Công ty là 99,88 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ vay ngắn hạn là 46,89 tỷ đồng.
- Công nợ phải trả toàn Công ty: 176,49 tỷ (trong đó Công nợ phải trả Công ty mẹ 98,28 tỷ).
- Hệ số khả năng thanh toán nhanh: 2,03 lần. Hệ số khả năng thanh toán hiện thời: 1,51 lần. Cho thấy Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán nhanh và khả năng thanh toán hiện thời.
- Tình hình bảo toàn và phát triển vốn: Hệ số bảo toàn vốn của PVMACHINO qua các năm cho thấy nhìn chung Công ty vẫn đảm bảo việc bảo toàn vốn.

4. Về kết quả thẩm định BCTC của Công ty.

- Các BCTC riêng và BCTC hợp nhất của các năm 2015 đến 2019 được lập trên cơ sở lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán, phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh riêng, hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng, hợp nhất theo nguyên tắc thận trọng và tuân thủ các quy định, các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam.
- Các BCTC riêng và BCTC hợp nhất hàng năm được thực hiện kiểm toán, soát xét bởi những công ty kiểm toán có uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Báo cáo đã nêu đầy đủ các sự kiện trong năm tài chính và sau ngày kết thúc kỳ kế toán 31/12 hàng năm. Không có ý kiến ngoại trừ.
- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế thực hiện đúng theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành chấp hành tốt và tuân thủ đúng các quy định về chế độ tài chính kế toán của Nhà nước, của Tập đoàn, của Tổng Công ty và nội bộ Công ty.
- Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản đến thời điểm 31/12/2019:
- + Tổng tài sản hợp nhất toàn Công ty: 651,6 tỷ đồng (tổng tài sản Công ty mẹ: 567,98 tỷ đồng) trong đó:
 - Tài sản ngắn hạn toàn Công ty: 363,43 tỷ đồng (Công ty mẹ: 278,83 tỷ đồng).
 - Tài sản dài hạn toàn Công ty: 288,22 tỷ đồng (Công ty mẹ: 289,16 tỷ đồng).
- + Tổng nguồn vốn hợp nhất toàn Công ty: 651,6 tỷ đồng (Tổng nguồn vốn Công ty mẹ: 567,98 tỷ đồng) trong đó:

- Nợ phải trả toàn Công ty: 176,49 tỷ đồng (Công ty mẹ: 98,28 tỷ đồng).
- Vốn chủ sở hữu toàn Công ty: 475,15 tỷ đồng (Công ty mẹ: 469,7 tỷ đồng).

5. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, BGD và cổ đông.

- Trong nhiệm kỳ 2015-2020, BKS được HĐQT và Ban điều hành tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty, duy trì được mối quan hệ công tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ theo các quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty.
- BKS đã thông báo tới HĐQT, Ban Giám đốc Quy chế làm việc, Phân công công việc của các thành viên trong Ban, Kế hoạch kiểm tra giám sát. Định kỳ BKS đều có báo cáo và kiến nghị bằng văn bản gửi tới HĐQT và Ban Giám đốc. Những kiến nghị của BKS đều được ghi nhận và triển khai thực hiện.
- Đối với cổ đông: Trong nhiệm kỳ, BKS phối hợp cùng HĐQT, Ban điều hành để giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Công ty đã thực hiện công bố đầy đủ thông tin theo quy định đối với Công ty đại chúng và Công ty niêm yết.

6. Các kiến nghị của BKS đối với HĐQT và BGD.

- Xây dựng và tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy trình, quy chế làm cơ sở cho công tác điều hành, đánh giá hiệu quả và kiểm soát rủi ro.
- Đối với các khoản công nợ phải thu đã quá hạn/ đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi, Công ty cần tiếp tục đôn đốc các bộ phận liên quan để thực hiện việc thu hồi công nợ, hoàn thiện hồ sơ xử lý nợ không thu hồi được.
- HĐQT, Ban Giám đốc chỉ đạo tăng cường công tác quản lý đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, sử dụng hiệu quả các tài sản sẵn có (đặc biệt lưu ý đối với các tài sản thu hồi được do đối trừ công nợ).

7. Phương hướng hoạt động của BKS trong nhiệm kỳ tới.

Trong nhiệm kỳ mới, Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục cải tiến phương thức hoạt động, tăng cường giám sát hoạt động quản trị, hoàn thành tốt vai trò, nhiệm vụ của mình, góp phần nâng cao tính minh bạch, trung thực và mức độ cần trọng trong hoạt động quản trị, quản lý, điều hành kinh doanh tiếp tục thực hiện các công việc, nhiệm vụ theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty và Pháp luật của Nhà nước, cụ thể:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, giám sát việc thực hiện các chính sách pháp luật của Nhà nước, văn bản của các Bộ ban ngành, quy chế

quy định của Công ty và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

- Giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành đối với toàn bộ hoạt động tại Công ty: công tác tổ chức, công tác tài chính kế toán, công tác đầu tư, công tác kinh doanh, công tác tái cấu trúc.
- Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, BCTC 6 tháng, BCTC năm. Phân tích và đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.
- Giám sát HĐQT và Ban điều hành trong việc thực hiện nhiệm vụ.
- Giám sát việc xử lý và thu hồi công nợ, đặc biệt là các khoản công nợ quá hạn.
- Và các nhiệm vụ khác được quy định trong Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

Trên đây là báo cáo về hoạt động nhiệm kỳ 2015-2020 của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 kính trình Đại Hội.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Lý Thu Vân

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số: **0059**/MTB - HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí

Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí được ĐHCĐ thông qua ngày 24/4/2018;

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 về việc thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

1. Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty mẹ đã được kiểm toán (Chi tiết kèm theo)
2. Báo cáo tài chính năm 2019 hợp nhất đã được kiểm toán (Chi tiết kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Hiệp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-38
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-38

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 03 tháng 01 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Hiệp	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Trung	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Hưng	Ủy viên
Bà Tô Ngọc Tuyết	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đình Trung	Giám đốc
Ông Lê Ngọc Dũng	Phó Giám đốc
Ông Phan Trung Nghĩa	Phó Giám đốc
Ông Bùi Hữu Lạc	Phó Giám đốc
Ông Trương Văn Thục	Phó Giám đốc
Ông Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lý Thu Vân	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Hòa	Thành viên
Bà Hà Thị Thanh Hậu	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ ĐẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Đình Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được lập ngày 20 tháng 02 năm 2020, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị dầu khí cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần theo báo cáo kiểm toán số 07/2019/RSMHN-BCKT ngày 18 tháng 02 năm 2019.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biễn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2020

Ngô Hoàng Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2018-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

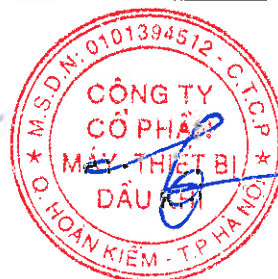
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		278.828.066.949	269.461.451.034
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	22.219.962.461	25.551.131.787
111	1. Tiền		22.219.962.461	5.551.131.787
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	20.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	153.000.000.000	108.547.245.522
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		153.000.000.000	108.547.245.522
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		76.216.741.458	112.430.237.353
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	252.965.547.283	311.035.709.524
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	16.557.106.272	2.108.452.914
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	14.948.854.224	14.090.797.236
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(208.254.766.321)	(214.804.722.321)
140	IV. Hàng tồn kho	9	23.981.133.941	20.381.871.484
141	1. Hàng tồn kho		24.347.915.288	20.381.871.484
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(366.781.347)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.410.229.089	2.550.964.888
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		416.561.367	380.177.097
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.267.898.762	1.911.940.300
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	725.768.960	258.847.491
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		289.156.182.665	301.506.419.684
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.268.440.794	2.268.440.794
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	1.268.440.794	1.268.440.794
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	1.000.000.000	1.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		12.372.762.433	11.248.949.129
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.719.955.974	622.674.929
222	- Nguyên giá		8.382.143.708	7.862.974.708
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.662.187.734)	(7.240.299.779)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	10.652.806.459	10.626.274.200
228	- Nguyên giá		11.174.239.200	11.144.239.200
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(521.432.741)	(517.965.000)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	-	33.528.513
231	- Nguyên giá		17.545.622.940	17.545.622.940
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(17.545.622.940)	(17.512.094.427)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		24.054.545	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		24.054.545	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	231.552.563.471	252.694.347.603
251	1. Đầu tư vào công ty con		79.628.213.760	79.628.213.760
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1.447.257.429	1.447.257.429
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		189.168.719.573	189.168.719.573
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(38.691.627.291)	(17.549.843.159)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		42.938.361.422	35.261.153.645
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	42.938.361.422	35.261.153.645
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		567.984.249.614	570.967.870.718

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt NamBáo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		98.282.231.254	126.598.456.376
310	I. Nợ ngắn hạn		98.282.231.254	126.598.456.376
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	27.726.439.665	56.032.740.122
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	15.496.706.670	1.038.980.004
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	475.037.858	304.529.868
314	4. Phải trả người lao động		2.475.939.584	1.842.521.721
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	120.000.000	120.000.000
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		103.864.200	422.223.807
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	3.559.040.653	12.504.998.605
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	46.886.978.000	53.886.978.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.438.224.624	445.484.249
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		469.702.018.360	444.369.414.342
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	469.702.018.360	444.369.414.342
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		386.386.000.000	386.386.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		386.386.000.000	386.386.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		18.763.147.666	18.763.147.666
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		64.552.870.694	39.220.266.676
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		21.264.714.104	16.329.132.720
421b	LNST chưa phân phối năm nay		43.288.156.590	22.891.133.956
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		567.984.249.614	570.967.870.718

Hà Thị Thanh Hậu
Người lậpHoàng Minh Đức
Kế toán trưởngNguyễn Đình Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019		Năm 2018	
			VND		VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	872.416.333.414	822.194.949.925		
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		872.416.333.414	822.194.949.925		
11	4. Giá vốn hàng bán	23	865.170.612.832	816.601.607.602		
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.245.720.582	5.593.342.323		
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	93.271.184.150	90.660.188.031		
22	7. Chi phí tài chính	25	21.545.479.298	1.319.962.328		
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	58.609.181		
25	8. Chi phí bán hàng	26	8.113.165.135	8.422.837.948		
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	27.834.479.831	50.639.800.407		
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		43.023.780.468	35.870.929.671		
31	11. Thu nhập khác	28	387.235.249	1.417.146.239		
32	12. Chi phí khác	29	122.859.127	873.431.954		
40	13. Lợi nhuận khác		264.376.122	543.714.285		
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		43.288.156.590	36.414.643.956		
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	-	-		
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-		
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		43.288.156.590	36.414.643.956		



Hà Thị Thanh Hậu
Người lập

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		43.288.156.590	36.414.643.956
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		246.078.845	342.895.103
03	- Các khoản dự phòng		14.958.609.479	24.891.596.728
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		403.545.603	3.369.630
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(91.479.574.483)	(90.659.419.738)
06	- Chi phí lãi vay		-	58.609.181
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(32.583.183.966)	(28.948.305.140)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		43.122.898.915	112.316.426.654
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(3.966.043.804)	2.734.251.893
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(13.734.119.031)	(98.952.847.795)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(7.713.592.047)	2.889.084.068
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(58.609.181)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.439.302.197)	(3.365.599.937)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(18.313.342.130)	(13.385.599.438)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.360.418.181)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		269.618.182	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(168.547.245.522)	(75.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		124.094.491.044	50.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		90.027.083.896	86.983.596.004
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		44.483.529.419	61.983.596.004
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	4.174.931.875
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(7.000.000.000)	(31.174.931.875)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(22.501.288.592)	(29.453.107.149)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(29.501.288.592)	(56.453.107.149)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(3.331.101.303)	(7.855.110.583)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG*Năm 2019**(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		25.551.131.787	33.405.474.077
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(68.023)	768.293
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>22.219.962.461</u>	<u>25.551.131.787</u>



Hà Thị Thanh Hậu
Người lập

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2019

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 03 tháng 01 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 386.386.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 386.386.000.000 đồng; tương đương 38.638.600 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại và xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động của các Trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài);
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Cho thuê mặt bằng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có duy nhất một đơn vị trực thuộc là Trung tâm Hợp tác lao động và Dịch vụ quốc tế - Chi nhánh Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí. Chi nhánh hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài và có trụ sở chính tại thành phố Hà Nội.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn. Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.



Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư và khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.



2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất không có thời hạn	Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Quyền sử dụng đất không có thời hạn	Không trích khấu hao

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ thanh lý.

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Theo Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 và Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà Nước và Công ty TNHH MTV do Nhà Nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần, kể từ năm 2014 Công ty được bù trừ lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa với tiền thuê đất phải nộp hàng năm nên Công ty không phân bổ lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm và sẽ bù trừ với tiền thuê đất phải nộp Nhà nước sau khi được cơ quan thuế quản lý chấp thuận.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.16 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và các khoản khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**2.24 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty chủ yếu là hoạt động thương mại và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	692.855.535	704.946.984
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.527.106.926	4.846.184.803
Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
	<u>22.219.962.461</u>	<u>25.551.131.787</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	153.000.000.000	-	108.547.245.522	-
	<u>153.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>108.547.245.522</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31/12/2019, các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 7,1%/năm đến 7,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Báo cáo tài chính riêng**

Số 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	79.628.213.760	(30.000.000.000)	79.628.213.760	(12.247.971.360)
- Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	30.000.000.000	(30.000.000.000)	30.000.000.000	(12.247.971.360)
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	49.628.213.760	-	49.628.213.760	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	1.447.257.429	(1.447.257.429)	1.447.257.429	(1.323.623.991)
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	1.447.257.429	(1.447.257.429)	1.447.257.429	(1.323.623.991)
Đầu tư vào đơn vị khác	189.168.719.573	(7.244.369.862)	189.168.719.573	(3.978.247.808)
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	2.016.000.000	(2.016.000.000)	2.016.000.000	(2.016.000.000)
- Công ty TNHH FCC Việt Nam	49.495.000.000	-	49.495.000.000	-
- Công ty TNHH Vietnam Nippon Seiki	11.781.000.000	-	11.781.000.000	-
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Việt Nam	841.102.790	(841.102.790)	841.102.790	(680.584.599)
- Công ty Cổ phần PEC Hà Nội	3.000.000.000	(3.000.000.000)	3.000.000.000	-
- Công ty TNHH Phụ tùng xe máy ôtô SHOWA Việt Nam	36.673.137.983	-	36.673.137.983	-
- Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	3.621.000.000	(1.387.267.072)	3.621.000.000	(1.281.663.209)
- Đầu tư vào Dự án HH3 Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	81.741.478.800	-	81.741.478.800	-
	270.244.190.762	(38.691.627.291)	270.244.190.762	(17.549.843.159)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2019 như sau:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Thương mại và lắp đặt máy móc và thiết bị
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	49,78%	(*)	Thương mại và cho thuê máy móc, thiết bị

(*) Tuy công ty chỉ nắm giữ 49,78% cổ phần trong Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng nhưng trong cơ cấu điều hành thì chủ tịch Hội đồng Quản trị và Trưởng ban kiểm soát là đại diện của Công ty nên Công ty có toàn quyền chi phối hoạt động đối với Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị dầu khí Đà Nẵng.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2019 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Thành phố Hà Nội	34,58%	34,58%	Thương mại và lắp đặt máy móc và thiết bị

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 34.

Đầu tư vào đơn vị khác

<u>Tên công ty nhận đầu tư</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	Thành phố Vinh	3,25%	3,25%	Sản xuất nước dứa
Công ty TNHH FCC Việt Nam	Thành phố	10,00%	10,00%	Sản xuất phụ tùng ô tô
Công ty TNHH Vietnam Nippon Seiki	Thành phố Hà Nội	10,00%	10,00%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	12,13%	12,13%	Thương mại
Công ty Cổ phần PEC Hà Nội	Thành phố	10,00%	10,00%	Xây lắp
Công ty TNHH Phụ tùng xe máy ô tô SHOWA Việt Nam	Thành phố Hà Nội	8,45%	8,45%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	Tỉnh Đồng Nai	1,80%	1,80%	Đóng mới, sửa chữa tàu
Đầu tư vào Dự án HH3 Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội (*)	Thành phố Hà Nội	10,00%	10,00%	Bất động sản

(*): Đây là giá trị 10% phần vốn góp tại dự án "Khu chung cư cao cấp, dịch vụ hỗn hợp - Khu đô thị Nam An Khánh - Hà Nội" thuộc lô HH3 của dự án Nam An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội mà Công ty đã nhận chuyển nhượng từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO với mục đích gán trừ công nợ. Căn cứ trên định hướng kinh doanh cũng như tiềm lực của Công ty, Ban Giám đốc Công ty dự kiến sẽ chuyển nhượng lại phần vốn góp này khi có điều kiện thích hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	-	-	30.638.618.682	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar	33.627.654.160	(33.627.654.160)	33.627.654.160	(33.627.654.160)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng	96.856.865.496	(96.856.865.496)	96.856.865.496	(96.856.865.496)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	15.381.516.087	(15.381.516.087)	15.381.516.087	(15.381.516.087)
Công ty TNHH Thành Đức	20.094.119.114	(20.094.119.114)	20.394.119.114	(20.394.119.114)
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	20.121.805.615	-	20.121.771.509	-
Phải thu các khách hàng khác	68.152.027.605	(39.123.046.705)	95.283.605.270	(45.373.002.705)
	<u>254.233.988.077</u>	<u>(205.083.201.562)</u>	<u>312.304.150.318</u>	<u>(211.633.157.562)</u>
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán				
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	252.965.547.283	(205.083.201.562)	311.035.709.524	(211.633.157.562)
Các khoản phải thu khách hàng dài hạn	1.268.440.794	-	1.268.440.794	-
	<u>254.233.988.077</u>	<u>(205.083.201.562)</u>	<u>312.304.150.318</u>	<u>(211.633.157.562)</u>
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	<u>23.707.834.015</u>	<u>-</u>	<u>42.168.127.695</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Phát triển Mê Kông (*)	7.082.694.099	-	-	-
Công ty TNHH Công nghiệp M&H	963.600.000	-	963.600.000	-
Công ty Cổ phần LICOI13 (*)	2.804.528.027	-	-	-
Siemens Internationnal	1.275.455.230	-	-	-
Trả trước người bán khác	4.430.828.916	(918.895.664)	1.144.852.914	(918.895.664)
	16.557.106.272	(918.895.664)	2.108.452.914	(918.895.664)

(*) Khoản trả trước liên quan đến hợp đồng thi công xây dựng công trình giữa Trường Đại học Y Dược Thái Bình và Liên danh PVM - Licogi 13- Mê Kông thuộc dự án đầu tư xây dựng trung tâm thực hành tiền lâm sàng của Đại học Y Dược Thái Bình (thông tin bổ sung tại thuyết minh số 15- Người mua trả tiền trước ngắn hạn)

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.858.150.685	-	3.675.823.734	-
Tạm ứng	1.158.790.000	-	1.453.690.000	-
Ký cược, ký quỹ	14.850.039	-	14.919.271	-
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	6.554.639.724	-	6.554.639.724	-
Phải thu khác	2.362.423.776	(2.252.669.095)	2.391.724.507	(2.252.669.095)
	14.948.854.224	(2.252.669.095)	14.090.797.236	(2.252.669.095)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan				
	6.574.462.213	-	6.567.117.714	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

8 . NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng (1)	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496
- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí IMICO	15.381.516.087	15.381.516.087	15.381.516.087	15.381.516.087
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar (2)	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160
- Công ty Cổ phần Viccom	5.606.092.500	5.606.092.500	5.606.092.500	5.606.092.500
- Công ty Cổ phần Thương mại - Xuất nhập khẩu D&T	7.185.149.669	7.185.149.669	13.285.149.669	13.285.149.669
- Công ty TNHH Thành Đức	20.094.119.114	20.094.119.114	20.394.119.114	20.394.119.114
- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	8.067.090.760	8.067.090.760	8.067.090.760	8.067.090.760
- Các khoản khác	21.436.278.535	7.812.821.058	21.586.234.535	4.812.821.058
	208.254.766.321	194.631.308.844	214.804.722.321	198.031.308.844

(*) Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định căn cứ trên đánh giá của Ban Giám đốc về khả năng có thể thu hồi được các khoản công nợ này. Tuy nhiên, để đảm bảo thận trọng, Ban Giám đốc Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ xấu kể trên.

(1): Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng số tiền 96.856.865.496 đồng. Theo các hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ, hợp đồng ủy quyền, biên bản làm việc giữa Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí (PVM) và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCombank), PVCombank được toàn quyền thay mặt PVM tiến hành kiện để thu hồi nợ đối với Ngân hàng Agribank chi nhánh Hồng Hà là bên bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng. Hiện tại, PVCombank đã khởi kiện Agribank chi nhánh Hồng Hà liên quan đến khoản công nợ này và Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản công nợ này.

(2): Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar số tiền 33.627.654.160 đồng. Công ty đã khởi kiện Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, là bên bảo lãnh thực hiện thanh toán cho Vina Megastar tại Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản công nợ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	373.617.693	(366.781.347)	373.617.693	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	23.949.079.230	-	19.983.035.426	-
Hàng hoá	25.218.365	-	25.218.365	-
	24.347.915.288	(366.781.347)	20.381.871.484	-

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.211.033.146	6.211.365.178	440.576.384	7.862.974.708
- Mua trong năm	-	1.306.363.636	-	1.306.363.636
- Thanh lý, nhượng bán	-	(787.194.636)	-	(787.194.636)
Số dư cuối năm	1.211.033.146	6.730.534.178	440.576.384	8.382.143.708
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	925.771.370	5.885.525.735	429.002.674	7.240.299.779
- Khấu hao trong năm	58.382.364	139.126.517	11.573.710	209.082.591
- Thanh lý, nhượng bán	-	(787.194.636)	-	(787.194.636)
Số dư cuối năm	984.153.734	5.237.457.616	440.576.384	6.662.187.734
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	285.261.776	325.839.443	11.573.710	622.674.929
Tại ngày cuối năm	226.879.412	1.493.076.562	-	1.719.955.974

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.527.422.643 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt NamBáo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	10.626.274.200	517.965.000	11.144.239.200
- Mua trong năm	-	30.000.000	30.000.000
Số dư cuối năm	10.626.274.200	547.965.000	11.174.239.200
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	517.965.000	517.965.000
- Khấu hao trong năm	-	3.467.741	3.467.741
Số dư cuối năm	-	521.432.741	521.432.741
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	10.626.274.200	-	10.626.274.200
Tại ngày cuối năm	10.626.274.200	26.532.259	10.652.806.459

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 517.965.000 đồng.

(*) Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại thửa đất số 44-2, tờ bản đồ số 66-c-II-A tại số 5, cụm 4 phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Nhà VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	7.779.542.940	9.766.080.000	17.545.622.940
Số dư cuối năm	7.779.542.940	9.766.080.000	17.545.622.940
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.779.542.940	9.732.551.487	17.512.094.427
- Khấu hao trong năm	-	33.528.513	33.528.513
Số dư cuối năm	7.779.542.940	9.766.080.000	17.545.622.940
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	33.528.513	33.528.513
Tại ngày cuối năm	-	-	-

Trong đó:

- Nguyên giá bất động sản đầu tư cuối năm đã khấu hao hết nhưng đang cho thuê : 9.766.080.000 đồng.

Bất động sản đầu tư của Công ty là nhà và quyền sử dụng đất không có thời hạn tại đường Đào Cam Mộc, xã Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội, Thành phố Hà Nội được Công ty sử dụng với mục đích cho thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Lợi thế giá trị thương hiệu khi cổ phần hóa	-	21.831.472
Lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa (*)	28.542.933.921	28.542.933.921
Tiền thuê văn phòng	3.359.414.933	5.983.586.141
Chi phí sửa chữa văn phòng	103.209.194	309.627.542
Công cụ dụng cụ xuất dùng	13.096.973	75.796.241
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	10.780.600.000	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	139.106.401	327.378.328
	<u>42.938.361.422</u>	<u>35.261.153.645</u>

(*) Đây là giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê tại số 8 phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm được xác định khi cổ phần hóa. Theo Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 và Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà Nước và Công ty TNHH MTV do Nhà Nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần, kể từ năm 2014 Công ty được bù trừ lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa với tiền thuê đất phải nộp hàng năm nên Công ty không phân bổ lợi thế vị trí địa lý vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm và sẽ bù trừ với tiền thuê đất phải nộp Nhà nước sau khi được cơ quan thuế quản lý chấp thuận. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đang thực hiện các thủ tục để bù trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý vào tiền thuê đất phải nộp.

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Công ty cổ phần Thương mại hàng hóa quốc tế IPC	-	-	29.797.111.149	29.797.111.149
Công ty TNHH thép IPC Sài Gòn	4.357.745.813	4.357.745.813	5.065.770.065	5.065.770.065
Sennebogen Maschinenfabrik GMBH	10.560.116.830	10.560.116.830	-	-
Phải trả các đối tượng khác	12.808.577.022	12.808.577.022	21.169.858.908	21.169.858.908
	<u>27.726.439.665</u>	<u>27.726.439.665</u>	<u>56.032.740.122</u>	<u>56.032.740.122</u>

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới lắp máy Dầu Khí	1.009.800.000	1.009.800.000
Đại Học Y Dược Thái Bình (*)	12.695.656.166	-
Người mua trả tiền trước khác	1.791.250.504	29.180.004
	<u>15.496.706.670</u>	<u>1.038.980.004</u>

(*) Khoản người mua trả tiền trước thuộc dự án đầu tư xây dựng trung tâm thực hành tiền lâm sàng của Đại học Y Dược Thái Bình. (Chi tiết tại thuyết minh số 06- Trả trước cho người bán ngắn hạn)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	123.847.491	-	-	-	-	-	123.847.491	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	264.490.783	1.007.439.670	837.440.701	837.440.701	-	-	-	434.489.752	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	135.000.000	-	4.246.469.059	4.713.390.528	4.713.390.528	-	601.921.469	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	40.039.085	22.674.418	22.165.397	22.165.397	-	-	-	40.548.106	-
	258.847.491	304.529.868	5.276.583.147	5.572.996.626	5.572.996.626	725.768.960	475.037.858			

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Chi phí thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	120.000.000	120.000.000
	120.000.000	120.000.000

18 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	335.603.441	303.782.801
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.113.390.437	12.091.169.029
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	110.046.775	110.046.775
	3.559.040.653	12.504.998.605

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

19 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND				VND
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	53.886.978.000	53.886.978.000	-	7.000.000.000	46.886.978.000	46.886.978.000
	53.886.978.000	53.886.978.000	-	7.000.000.000	46.886.978.000	46.886.978.000

Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 26/TDHM-NH/TD11, công văn 3137/TCĐK-TTGDHO ngày 29/05/2013 về việc thông báo lãi suất và trả nợ trước hạn với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 250 tỷ đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn của hợp đồng: Thời hạn vay của mỗi lần nhận nợ không quá 06 tháng và hiện nay khoản vay này đã quá hạn thanh toán.
- Lãi suất cho vay: Chi tiết theo từng giấy nhận nợ. Tuy nhiên, ngân hàng không xác nhận có khoản lãi vay nào liên quan;
- Số dư nợ gốc vay tại thời điểm 31/12/2019: 46.886.978.000 đồng;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp hàng hóa hình thành từ vốn vay hoặc quyền đòi nợ tương ứng với phương án vay vốn từng lần.

Khoản vay này được đảm bảo bằng khoản phải thu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng (Số dư tại 31/12/2019 là 96.856.865.496 đồng). Theo các hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ, hợp đồng ủy quyền, biên bản làm việc giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam được toàn quyền thay mặt Công ty tiến hành kiện để thu hồi nợ với Ngân hàng NN và PTNN Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà là bên bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	386.386.000.000	17.341.822.677	46.834.737.241	450.562.559.918
Lãi trong năm trước	-	-	36.414.643.956	36.414.643.956
Phân phối lợi nhuận	-	1.421.324.989	(1.421.324.989)	-
Chia cổ tức năm 2017	-	-	(25.771.946.200)	(25.771.946.200)
Tạm ứng cổ tức năm 2018	-	-	(13.523.510.000)	(13.523.510.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban điều hành	-	-	(3.312.333.332)	(3.312.333.332)
Số dư cuối năm	<u>386.386.000.000</u>	<u>18.763.147.666</u>	<u>39.220.266.676</u>	<u>444.369.414.342</u>
Số dư đầu năm nay	386.386.000.000	18.763.147.666	39.220.266.676	444.369.414.342
Lãi trong năm nay	-	-	43.288.156.590	43.288.156.590
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban điều hành	-	-	(4.432.042.572)	(4.432.042.572)
Chia cổ tức đợt 2 năm 2018	-	-	(13.523.510.000)	(13.523.510.000)
Số dư cuối năm	<u>386.386.000.000</u>	<u>18.763.147.666</u>	<u>64.552.870.694</u>	<u>469.702.018.360</u>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày 24/04/2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	<u>Số tiền</u>
	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34.092.635.174
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành (bằng 13% lợi nhuận sau thuế)	4.432.042.572
Chi trả cổ tức (bằng 7% vốn điều lệ) (*)	27.047.020.000
Lợi nhuận chưa phân phối	2.613.572.602

(*) Theo Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 0081/NQ/MTB-HĐQT ngày 25/06/2018, Công ty công bố việc chi trả cổ tức năm 2018 còn lại sau khi đã tạm ứng cổ tức trong năm 2018 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0120/NQ/MTB-HĐQT ngày 08/08/2018 như sau:

Ngày đăng ký cuối cùng: 15/07/2019;

Ngày giao dịch không hưởng quyền: 12/07/2019;

Tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt: 3,5%/ cổ phiếu;

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt NamBáo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Đầu năm</u>
	(%)	VND	(%)	VND
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	51,58%	199.314.300.000	51,58%	199.314.300.000
Ông Nguyễn Văn Hiệp	0,00%	-	17,14%	66.226.560.000
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ	17,08%	66.000.000.000	0,00%	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	10,61%	40.989.100.000	0,00%	-
Các cổ đông khác	20,73%	80.082.600.000	31,28%	120.845.140.000
	<u>100%</u>	<u>386.386.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>386.386.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	386.386.000.000	386.386.000.000
- Vốn góp đầu năm	386.386.000.000	386.386.000.000
- Vốn góp cuối năm	<u>386.386.000.000</u>	<u>386.386.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	12.091.169.029	2.248.819.978
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	13.523.510.000	39.295.456.200
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	13.523.510.000	25.771.946.200
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	13.523.510.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	<u>(22.501.288.592)</u>	<u>(29.453.107.149)</u>
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>3.113.390.437</u>	<u>12.091.169.029</u>

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	38.638.600	38.638.600
- Cổ phiếu phổ thông	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.638.600	38.638.600
- Cổ phiếu phổ thông	38.638.600	38.638.600
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.763.147.666	18.763.147.666
	<u>18.763.147.666</u>	<u>18.763.147.666</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký kết hợp đồng thuê nhà đất với Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội diện tích 1.202.5 m² tại số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội và thuê 23.600 m² đất tại đường Đào Cam Mộc, Xã Việt Hùng, Huyện Đông Anh, Hà Nội với phương thức thuê đất trả tiền hàng năm được sử dụng với mục đích cho thuê và làm trụ sở văn phòng.

Ngoài ra, Công ty ký kết hợp đồng thuê đất với Tổng công ty thương mại Hà nội tại địa chỉ số 07 Đinh Tiên Hoàng và cho đối tác thuê lại hàng năm.

b) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.231,43	1.277,63

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	825.415.551.996	802.796.073.403
Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.342.730.349	16.082.615.444
Doanh thu hợp đồng xây dựng	15.658.051.069	3.316.261.078
	<u>872.416.333.414</u>	<u>822.194.949.925</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	<u>5.186.566.552</u>	<u>21.281.426.008</u>

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	824.323.164.394	800.548.051.713
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	25.111.054.012	13.030.453.430
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	15.369.613.079	3.023.102.459
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	366.781.347	-
	<u>865.170.612.832</u>	<u>816.601.607.602</u>
Giá vốn đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	<u>686.780.524</u>	<u>890.750.346</u>

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	9.903.945.115	10.152.740.508
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	2.061.757.351	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	81.305.465.732	80.506.679.230
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	768.293
Doanh thu hoạt động tài chính khác	15.952	-
	<u>93.271.184.150</u>	<u>90.660.188.031</u>
Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	<u>627.252.000</u>	<u>418.168.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	58.609.181
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	149.563	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	403.545.603	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	21.141.784.132	1.255.221.044
Chi phí tài chính khác	-	6.132.103
	21.545.479.298	1.319.962.328

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	160.839.396	47.693.705
Chi phí nhân công	5.336.084.216	4.623.552.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.599.020.982	1.906.207.080
Chi phí khác bằng tiền	1.017.220.541	1.845.385.159
	8.113.165.135	8.422.837.948

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	723.786.096	622.237.514
Chi phí nhân công	15.813.684.803	14.144.943.589
Chi phí khấu hao tài sản cố định	212.550.332	223.838.195
Thuế, phí, lệ phí	139.193.340	125.368.860
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(6.549.956.000)	23.636.375.684
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.523.276.116	4.063.563.341
Chi phí khác bằng tiền	10.971.945.144	7.823.473.224
	27.834.479.831	50.639.800.407

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	270.163.636	-
Xóa nợ phải trả	-	1.417.145.509
Thu nhập khác	117.071.613	730
	387.235.249	1.417.146.239

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Các khoản bị phạt	49.109.580	830.638.865
Chi phí khác	73.749.547	42.793.089
	122.859.127	873.431.954

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.288.156.590	36.414.643.956
Các khoản điều chỉnh tăng	-	26.217.558.460
- Chi phí không hợp lệ	-	26.217.558.460
Các khoản điều chỉnh giảm	(81.305.465.732)	(80.506.679.230)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(81.305.465.732)	(80.506.679.230)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(38.017.309.142)	(17.874.476.814)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(123.847.491)	(123.847.491)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(123.847.491)	(123.847.491)

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Hoạt động của Công ty trong năm chủ yếu là hoạt động thương mại. Vì vậy, Công ty không thuyết minh chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, do đã thuyết minh các yếu tố của chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Thuyết minh số 26 và Thuyết minh số 27.

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.219.962.461	-	25.551.131.787	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	270.182.842.301	(207.335.870.657)	327.394.947.554	(213.885.826.657)
Các khoản cho vay	153.000.000.000	-	108.547.245.522	-
	445.402.804.762	(207.335.870.657)	461.493.324.863	(213.885.826.657)
			Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			46.886.978.000	53.886.978.000
Phải trả người bán, phải trả khác			31.285.480.318	68.537.738.727
Chi phí phải trả			120.000.000	120.000.000
			78.292.458.318	122.544.716.727

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.219.962.461	-	-	22.219.962.461
Phải thu khách hàng, phải thu khác	60.578.530.850	2.268.440.794	-	62.846.971.644
Các khoản cho vay	153.000.000.000	-	-	153.000.000.000
	235.798.493.311	2.268.440.794	-	238.066.934.105

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.551.131.787	-	-	25.551.131.787
Phải thu khách hàng, phải thu khác	111.240.680.103	2.268.440.794	-	113.509.120.897
Các khoản cho vay	108.547.245.522	-	-	108.547.245.522
	245.339.057.412	2.268.440.794	-	247.607.498.206

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	46.886.978.000	-	-	46.886.978.000
Phải trả người bán, phải trả khác	31.285.480.318	-	-	31.285.480.318
Chi phí phải trả	120.000.000	-	-	120.000.000
	78.292.458.318	-	-	78.292.458.318
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	53.886.978.000	-	-	53.886.978.000
Phải trả người bán, phải trả khác	68.537.738.727	-	-	68.537.738.727
Chi phí phải trả	120.000.000	-	-	120.000.000
	122.544.716.727	-	-	122.544.716.727

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
		VND	VND
Bán hàng		5.186.566.552	21.281.426.008
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền bắc Việt Nam	Công ty liên kết	6.676.815	138.033.974
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Công ty con	2.072.445.737	1.967.912.034
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ	3.107.444.000	19.175.480.000
Mua hàng		1.823.144.160	890.750.346
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Công ty con	686.780.524	890.750.346
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	Công ty con	1.136.363.636	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia		627.252.000	418.168.000
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	Công ty con	627.252.000	418.168.000
Giá vốn hàng bán		686.780.524	890.750.346
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Công ty con	686.780.524	890.750.346

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
		VND	VND
Phải thu khách hàng		23.707.834.015	42.168.127.695
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ	3.418.188.400	21.878.516.186
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Công ty con	20.121.805.615	20.121.771.509
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền bắc Việt Nam	Công ty liên kết	167.840.000	167.840.000
Phải thu khác		6.574.462.213	6.567.117.714
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Công ty con	6.554.639.724	6.554.639.724
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền bắc Việt Nam	Công ty liên kết	19.822.489	12.477.990

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Thu nhập của Giám đốc	798.125.936	812.875.571
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	4.662.719.808	4.724.631.036

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam kiểm toán.

Hà Thị Thanh Hậu
Người lập

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-40
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-40

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 03 tháng 01 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Hiệp	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Trung	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Hưng	Ủy viên
Bà Tô Ngọc Tuyết	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đình Trung	Giám đốc
Ông Lê Ngọc Dũng	Phó Giám đốc
Ông Phan Trung Nghĩa	Phó Giám đốc
Ông Bùi Hữu Lạc	Phó Giám đốc
Ông Trương Văn Thục	Phó Giám đốc
Ông Phan Xuân Thắng	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lý Thu Vân	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Hòa	Thành viên
Bà Hà Thị Thanh Hậu	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Đình Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được lập ngày 20 tháng 02 năm 2020, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần theo báo cáo kiểm toán số 08/2019/RSMHN-BCKT ngày 18 tháng 02 năm 2019.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2020

Ngô Hoàng Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2018-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		363.427.727.547	385.981.403.365
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	26.365.679.982	29.055.723.421
111	1. Tiền		26.365.679.982	9.055.723.421
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	20.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	153.000.000.000	108.547.245.522
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		153.000.000.000	108.547.245.522
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		92.333.998.446	162.598.376.193
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	301.041.425.149	374.001.823.523
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	18.685.265.795	5.711.841.515
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	9.905.817.054	8.968.652.078
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(237.298.509.552)	(226.083.940.923)
140	IV. Hàng tồn kho	9	84.271.799.947	79.213.435.527
141	1. Hàng tồn kho		89.886.847.409	79.395.835.527
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.615.047.462)	(182.400.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.456.249.172	6.566.622.702
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		584.116.866	486.557.656
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		6.122.427.614	5.800.793.339
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	749.704.692	279.271.707
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		288.215.705.886	281.912.913.461
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.764.131.619	2.764.131.619
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	1.268.440.794	1.268.440.794
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	1.495.690.825	1.495.690.825
220	II. Tài sản cố định		53.049.928.334	48.427.969.411
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	28.669.275.270	23.715.844.847
222	- Nguyên giá		47.224.017.681	41.608.752.560
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18.554.742.411)	(17.892.907.713)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	24.380.653.064	24.712.124.564
228	- Nguyên giá		25.293.669.564	25.263.669.564
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(913.016.500)	(551.545.000)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	-	33.528.513
231	- Nguyên giá		17.545.622.940	17.545.622.940
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(17.545.622.940)	(17.512.094.427)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		24.054.545	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		24.054.545	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	181.924.349.711	185.635.982.984
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	445.511.219
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		189.168.719.573	189.168.719.573
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(7.244.369.862)	(3.978.247.808)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		50.453.241.677	45.051.300.934
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	46.322.878.745	38.855.756.534
269	2. Lợi thế thương mại		4.130.362.932	6.195.544.400
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		651.643.433.433	667.894.316.826

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		176.491.208.313	217.049.216.136
310	I. Nợ ngắn hạn		167.684.630.947	207.449.278.770
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	37.157.768.189	64.505.621.109
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	18.256.543.572	13.436.687.594
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	694.276.189	616.607.135
314	4. Phải trả người lao động		4.565.528.064	2.776.246.884
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	387.969.230	185.000.000
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.255.138.330	617.551.080
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	3.978.938.477	12.824.001.510
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	99.885.158.000	111.957.478.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.503.310.896	530.085.458
330	II. Nợ dài hạn		8.806.577.366	9.599.937.366
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	465.840.195	465.840.195
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	8.340.737.171	9.134.097.171
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		475.152.225.120	450.845.100.690
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	475.152.225.120	450.845.100.690
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		386.386.000.000	386.386.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		386.386.000.000	386.386.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		18.920.978.074	18.920.978.074
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		44.111.472.723	20.440.821.230
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		2.417.040.037	-
421b	LNST chưa phân phối năm nay		41.694.432.686	20.440.821.230
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		25.733.774.323	25.097.301.386
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		651.643.433.433	667.894.316.826

Hà Thị Thanh Hậu
Người lậpHoàng Minh Đức
Kế toán trưởngNguyễn Đình Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2019

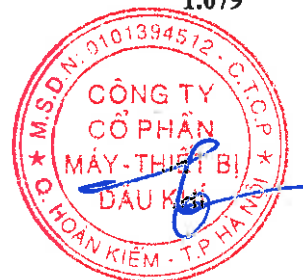
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	1.660.695.641.178	1.161.933.177.948
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.660.695.641.178	1.161.933.177.948
11	4. Giá vốn hàng bán	23	1.639.571.650.102	1.146.186.970.565
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.123.991.076	15.746.207.383
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	92.653.443.207	90.253.393.708
22	7. Chi phí tài chính	25	9.277.731.352	2.660.030.933
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		5.404.998.783	2.111.405.753
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(445.511.219)	(226.829.707)
25	9. Chi phí bán hàng	26	26.863.745.533	20.128.515.748
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	51.036.429.018	56.352.218.402
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		26.154.017.161	26.632.006.301
31	12. Thu nhập khác	28	17.696.927.567	9.372.927.517
32	13. Chi phí khác		136.273.470	975.114.935
40	14. Lợi nhuận khác		17.560.654.097	8.397.812.582
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		43.714.671.258	35.029.818.883
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	682.191.193	311.488.780
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		43.032.480.065	34.718.330.103
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		41.694.432.686	34.092.635.174
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		1.338.047.379	625.694.929
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	1.079	882

Hà Thị Thanh Hậu
Người lập

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Trung
Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		43.714.671.258	35.029.818.883
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.534.331.101	3.534.665.112
03	- Các khoản dự phòng		19.913.338.145	24.093.745.661
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		405.158.952	3.369.630
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(90.416.322.321)	(90.025.781.067)
06	- Chi phí lãi vay		5.404.998.783	2.111.405.753
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(15.445.824.032)	(25.252.776.028)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		59.440.068.809	98.760.419.675
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(10.491.011.882)	(30.816.345.486)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(20.147.571.985)	(86.639.126.616)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(7.564.631.421)	2.698.971.634
14	- Tiền lãi vay đã trả		(5.338.331.553)	(2.111.405.753)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(789.382.842)	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.595.872.197)	(3.478.795.937)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(4.930.607.153)	(46.839.058.511)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(7.031.634.588)	(13.686.082.117)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		269.618.182	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(168.547.245.522)	(75.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		124.094.491.044	50.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		89.409.342.953	90.252.610.774
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		38.144.572.069	51.566.528.657
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		557.879.005.174	251.862.951.526
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(570.744.685.174)	(237.886.885.875)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(23.036.646.983)	(29.794.260.858)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(35.902.326.983)	(15.818.195.207)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.688.362.067)	(11.090.725.061)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

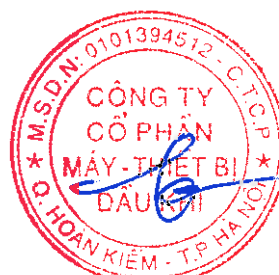
Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		29.055.723.421	40.145.680.189
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.581.372)	768.293
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>26.365.679.982</u>	<u>29.055.723.421</u>

Hà Thị Thanh Hậu
Người lập

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 03 tháng 01 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 386.386.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 386.386.000.000 đồng; trong đó 38.638.600 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại và xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động của các Trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài);
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Cho thuê mặt bằng.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2019 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Thương mại và lắp đặt máy móc và thiết bị
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	Thành phố Đà Nẵng	49,78%	(*)	Thương mại và lắp đặt máy móc và thiết bị

(*) Tuy Công ty chỉ nắm giữ 49,78% cổ phần trong Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng nhưng trong cơ cấu điều hành thì chủ tịch Hội đồng Quản trị và Trưởng ban kiểm soát là đại diện của Công ty nên Công ty có toàn quyền chi phối hoạt động đối với Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị dầu khí Đà Nẵng.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư và khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất không có thời hạn	Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.12 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 04 - 25 năm
- Quyền sử dụng đất không có thời hạn Không trích khấu hao

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Theo Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 và Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà Nước và Công ty TNHH MTV do Nhà Nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần, kể từ năm 2014 Công ty được bù trừ lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa với tiền thuê đất phải nộp hàng năm nên Công ty không phân bổ lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm và sẽ bù trừ với tiền thuê đất phải nộp Nhà nước sau khi được cơ quan thuế quản lý chấp thuận.

2.16 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.17 . Các khoản vay

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.18 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.20 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.21 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.22 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.23 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.26 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.27 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

2.28 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty chủ yếu là hoạt động thương mại và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.087.838.031	1.937.657.558
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.277.841.951	7.118.065.863
Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
	<u>26.365.679.982</u>	<u>29.055.723.421</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>31/12/2019</u>		<u>01/01/2019</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	153.000.000.000	-	108.547.245.522	-
	<u>153.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>108.547.245.522</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31/12/2019, các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 7,1%/năm đến 7,5%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Máy thiết bị dầu khí Miền Bắc Việt Nam với tỷ lệ lợi ích và biểu quyết là 34,58%. Giá gốc của khoản đầu tư không thay đổi tại ngày đầu năm và cuối năm là 1.447.257.429 đồng. Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư tại ngày đầu năm và cuối năm lần lượt là 445.511.219 đồng và 0 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	2.016.000.000	(2.016.000.000)	2.016.000.000	(2.016.000.000)
- Công ty TNHH FCC Việt Nam	49.495.000.000	-	49.495.000.000	-
- Công ty TNHH Vietnam Nippon Seiki	11.781.000.000	-	11.781.000.000	-
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Việt Nam	841.102.790	(841.102.790)	841.102.790	(680.584.599)
- Công ty Cổ phần PEC Hà Nội	3.000.000.000	(3.000.000.000)	3.000.000.000	-
- Công ty TNHH Phụ tùng xe máy ôtô SHOWA Việt Nam	36.673.137.983	-	36.673.137.983	-
- Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	3.621.000.000	(1.387.267.072)	3.621.000.000	(1.281.663.209)
- Đầu tư vào Dự án HH3 Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	81.741.478.800	-	81.741.478.800	-
	189.168.719.573	(7.244.369.862)	189.168.719.573	(3.978.247.808)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**Thông tin chi tiết về các công ty khác nhận vốn góp của Công ty vào ngày 31/12/2019 như sau:**

<u>Tên công ty nhận đầu tư</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Thực phẩm Nghệ An	Thành phố Vinh	3,25%	3,25%	Sản xuất nước dứa
Công ty TNHH FCC Việt Nam	Thành phố	10,00%	10,00%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
Công ty TNHH Vietnam Nippon Seiki	Thành phố Hà Nội	10,00%	10,00%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	12,13%	12,13%	Thương mại
Công ty Cổ phần PEC Hà Nội	Thành phố	10,00%	10,00%	Xây lắp
Công ty TNHH Phụ tùng xe máy ô tô SHOWA Việt Nam	Thành phố Hà Nội	8,45%	8,45%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	Tỉnh Đồng Nai	1,80%	1,80%	Đóng mới, sửa chữa tàu
Đầu tư vào Dự án HH3 Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội (*)	Thành phố Hà Nội	10,00%	10,00%	Bất động sản

(*): Đây là giá trị 10% phần vốn góp tại dự án "Khu chung cư cao cấp, dịch vụ hỗn hợp - Khu đô thị Nam An Khánh - Hà Nội" thuộc lô HH3 của dự án Nam An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội mà Công ty đã nhận chuyển nhượng từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO với mục đích gán trừ công nợ. Căn cứ trên định hướng kinh doanh cũng như tiềm lực của Công ty, Ban Giám đốc Công ty dự kiến sẽ chuyển nhượng lại phần vốn góp này khi có điều kiện thích hợp.

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2019</u>		<u>01/01/2019</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Nam	-	-	30.638.618.682	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng	96.856.865.496	(96.856.865.496)	96.856.865.496	(96.856.865.496)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar	33.627.654.160	(33.627.654.160)	33.627.654.160	(33.627.654.160)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	15.381.516.087	(15.381.516.087)	15.381.516.087	(15.381.516.087)
Phải thu khách hàng khác	156.443.830.200	(89.538.038.863)	198.765.609.892	(77.046.340.421)
	<u>302.309.865.943</u>	<u>(235.404.074.606)</u>	<u>375.270.264.317</u>	<u>(222.912.376.164)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán				
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	301.041.425.149	(235.404.074.606)	374.001.823.523	(222.912.376.164)
Các khoản phải thu khách hàng dài hạn	1.268.440.794	-	1.268.440.794	-
	302.309.865.943	(235.404.074.606)	375.270.264.317	(222.912.376.164)

c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	3.586.028.400	-	22.046.356.186	-

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)***6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Công nghiệp M&H	963.600.000	-	963.600.000	-
Công ty TNHH Ô tô Mitsubishi Việt Nam	2.008.093.573	-	3.065.200.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Mê Kông (*)	7.082.694.099	-	-	-
Công ty Cổ phần LICOGI13 (*)	2.804.528.027	-	-	-
Siemens International Trading Ltd	1.275.455.230	-	-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	4.550.894.866	(918.895.664)	1.683.041.515	(918.895.664)
	18.685.265.795	(918.895.664)	5.711.841.515	(918.895.664)

(*) Khoản trả trước liên quan đến hợp đồng thi công xây dựng công trình giữa Trường Đại học Y Dược Thái Bình và Liên danh PVM - Licogi 13- Mê Kông thuộc dự án đầu tư xây dựng trung tâm thực hành tiền lâm sàng của Đại học Y Dược Thái Bình (thông tin bổ sung tại thuyết minh số 15- Người mua trả tiền trước ngắn hạn)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	4.858.150.685	-	3.675.823.734	-
Tạm ứng	1.481.508.100	-	1.541.529.197	-
Ký cược, ký quỹ	590.083.030	-	590.152.262	-
Phải thu khác	2.976.075.239	(2.252.669.095)	3.161.146.885	(2.252.669.095)
	9.905.817.054	(2.252.669.095)	8.968.652.078	(2.252.669.095)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.495.690.825	-	1.495.690.825	-
	1.495.690.825	-	1.495.690.825	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan				
	19.822.489	-	12.477.990	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

8 . NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng (1)	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar (2)	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160
- Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí IMICO	15.381.516.087	15.381.516.087	15.381.516.087	15.381.516.087
- Công ty Cổ phần Viccom	5.606.092.500	5.606.092.500	5.606.092.500	5.606.092.500
- Công ty TNHH Thành Đức	20.094.119.114	20.094.119.114	20.394.119.114	20.394.119.114
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu D&T	7.185.149.669	7.185.149.669	13.285.149.669	13.285.149.669
- Công ty Cổ phần xây lắp dầu khí Hà Nội	8.067.090.760	8.067.090.760	8.067.090.760	8.067.090.760
- Công ty TNHH Vạn Phúc	6.787.164.347	-	6.937.120.347	-
- Các khoản khác	43.692.857.419	34.705.564.289	25.928.332.790	4.812.821.058
	237.298.509.552	221.524.052.075	226.083.940.923	198.031.308.844

(*) Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định căn cứ trên đánh giá của Ban Giám đốc về khả năng có thể thu hồi được các khoản công nợ này. Tuy nhiên, để đảm bảo thận trọng, Ban Giám đốc Công ty vẫn trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ xấu kể trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**Thông tin về một số khoản nợ xấu có giá trị lớn**

(1): Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng số tiền 96.856.865.496 đồng. Theo các hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ, hợp đồng ủy quyền, biên bản làm việc giữa Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí (PVM) và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCcombank), PVCcombank được toàn quyền thay mặt PVM tiến hành kiện để thu hồi nợ đối với Ngân hàng Agribank chi nhánh Hồng Hà là bên bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Hồng. Hiện tại, PVCcombank đã khởi kiện Agribank chi nhánh Hồng Hà liên quan đến khoản công nợ này và Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản công nợ này.

(2): Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar số tiền 33.627.654.160 đồng. Công ty đã khởi kiện Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, là bên bảo lãnh thực hiện thanh toán cho Vina Megastar tại Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản công nợ này.

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	495.531.160	(366.781.347)	538.808.162	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	23.985.885.757	-	19.995.785.106	-
Hàng hoá	65.405.430.492	(5.248.266.115)	58.861.242.259	(182.400.000)
	89.886.847.409	(5.615.047.462)	79.395.835.527	(182.400.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	31.262.420.001	1.446.050.000	7.763.739.371	1.136.543.188	41.608.752.560
- Mua trong năm	5.349.761.407	179.500.000	1.306.363.636	191.955.000	7.027.580.043
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.412.314.922)	-	(1.412.314.922)
Số dư cuối năm	36.612.181.408	1.625.550.000	7.657.788.085	1.328.498.188	47.224.017.681
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	9.338.530.550	243.272.474	7.763.739.371	547.365.318	17.892.907.713
- Khấu hao trong năm	1.718.151.060	163.858.507	92.308.337	99.831.716	2.074.149.620
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.412.314.922)	-	(1.412.314.922)
Số dư cuối năm	11.056.681.610	407.130.981	6.443.732.786	647.197.034	18.554.742.411
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	21.923.889.451	1.202.777.526	-	589.177.870	23.715.844.847
Tại ngày cuối năm	25.555.499.798	1.218.419.019	1.214.055.299	681.301.154	28.669.275.270

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 19.885.455.403 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.311.807.937 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	24.682.424.564	581.245.000	25.263.669.564
- Mua trong năm	-	30.000.000	30.000.000
Số dư cuối năm	24.682.424.564	611.245.000	25.293.669.564
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	551.545.000	551.545.000
- Khấu hao trong năm	351.403.759	10.067.741	361.471.500
Số dư cuối năm	351.403.759	561.612.741	913.016.500
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	24.682.424.564	29.700.000	24.712.124.564
Tại ngày cuối năm	24.331.020.805	49.632.259	24.380.653.064

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 517.965.000 đồng.

Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Khu đất tại địa chỉ 51 Phan Đăng Lưu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, diện tích 1.806,8 m², sử dụng làm mặt bằng kinh doanh;
- Khu đất tại địa chỉ 53 Trần Phú, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, diện tích 281,8 m², sử dụng làm văn phòng Công ty.
- Khu đất tại địa chỉ số 44-2, tờ bản đồ số 66-c-II-A tại số 5, cụm 4 phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	7.779.542.940	9.766.080.000	17.545.622.940
Số dư cuối năm	7.779.542.940	9.766.080.000	17.545.622.940
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.779.542.940	9.732.551.487	17.512.094.427
- Khấu hao trong năm	-	33.528.513	33.528.513
Số dư cuối năm	7.779.542.940	9.766.080.000	17.545.622.940
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	33.528.513	33.528.513
Tại ngày cuối năm	-	-	-

Bất động sản đầu tư của Công ty là nhà và quyền sử dụng đất không có thời hạn tại đường Đào Cam Mộc, xã Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội, Thành phố Hà Nội được Công ty sử dụng với mục đích cho thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	937.976.342	920.167.487
Chi phí sửa chữa lớn	222.992.725	448.124.184
Lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa (*)	28.542.933.921	28.542.933.921
Tiền thuê văn phòng	3.359.414.933	5.983.586.141
Tiền thuê đất (**)	2.100.000.000	2.400.000.000
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	10.780.600.000	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	378.960.824	560.944.801
	46.322.878.745	38.855.756.534

(*) Đây là giá trị lợi thế vị trí địa lý đất thuê tại số 8 phố Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm được xác định khi cổ phần hóa. Theo Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần, kể từ năm 2014 Công ty được bù trừ lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa với tiền thuê đất phải nộp hàng năm nên Công ty không phân bổ lợi thế vị trí địa lý vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm và sẽ bù trừ với tiền thuê đất phải nộp Nhà nước sau khi được cơ quan thuế quản lý chấp thuận. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đang thực hiện các thủ tục để bù trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý vào tiền thuê đất phải nộp.

(**) Theo Hợp đồng thuê đất tại Khu đô thị mới Đông Nam Thủy An, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế để đầu tư xây dựng Trung tâm ô tô Daesco tại Huế có thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 29/12/2016. Công ty đã trả trước tiền thuê đất cho thời hạn 10 năm với số tiền 3 tỷ đồng.

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty cổ phần Thương mại hàng hóa quốc tế IPC	-	-	29.797.111.149	29.797.111.149
Công ty TNHH thép IPC Sài Gòn	4.357.745.813	4.357.745.813	5.065.770.065	5.065.770.065
Sennebogen Maschinenfabrik GMBH	10.560.116.830	10.560.116.830	-	-
Phải trả các đối tượng khác	22.239.905.546	22.239.905.546	29.642.739.895	29.642.739.895
	37.157.768.189	37.157.768.189	64.505.621.109	64.505.621.109

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Đại Học Y Dược Thái Bình (*)	12.695.656.166	-
Các đối tượng khác	5.560.887.406	13.436.687.594
	18.256.543.572	13.436.687.594

(*) Khoản người mua trả tiền trước thuộc dự án đầu tư xây dựng trung tâm thực hành tiền lâm sàng của Đại học Y Dược Thái Bình. (Chi tiết tại thuyết minh số 06- Trả trước cho người bán ngắn hạn)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	1.136.628.526	1.136.628.526	1.136.628.526	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	143.847.491	271.237.446	682.191.193	789.382.842	789.382.842	143.847.491	164.045.797	143.847.491	164.045.797	143.847.491	164.045.797	
Thuế Thu nhập cá nhân	424.216	305.330.604	1.254.239.832	1.073.399.666	1.073.399.666	3.935.732	489.682.286	3.935.732	489.682.286	3.935.732	489.682.286	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	135.000.000	-	4.952.787.749	5.419.709.218	5.419.709.218	601.921.469	-	601.921.469	-	601.921.469	-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	40.039.085	492.798.418	492.289.397	492.289.397	-	40.548.106	-	-	-	40.548.106	
	279.271.707	616.607.135	8.518.645.718	8.911.409.649	8.911.409.649	749.704.692	694.276.189	749.704.692	694.276.189	749.704.692	694.276.189	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	66.667.230	-
- Chi phí phải trả khác	321.302.000	185.000.000
	<u>387.969.230</u>	<u>185.000.000</u>

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	390.756.234	350.449.233
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.291.458.337	12.171.847.320
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	296.723.906	301.704.957
	<u>3.978.938.477</u>	<u>12.824.001.510</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	465.840.195	465.840.195
	<u>465.840.195</u>	<u>465.840.195</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

19 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng						
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (1)	110.250.878.000	110.250.878.000	556.519.005.174	568.858.605.174	97.911.278.000	97.911.278.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (2)	53.886.978.000	53.886.978.000	-	7.000.000.000	46.886.978.000	46.886.978.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng (3)	48.963.900.000	48.963.900.000	389.547.680.000	401.809.580.000	36.702.000.000	36.702.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (4)	7.400.000.000	7.400.000.000	106.536.765.174	108.314.465.174	5.622.300.000	5.622.300.000
Nợ dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (5)	1.706.600.000	1.706.600.000	60.434.560.000	51.734.560.000	8.700.000.000	8.700.000.000
	1.706.600.000	1.706.600.000	1.973.880.000	1.706.600.000	1.973.880.000	1.973.880.000
	1.706.600.000	1.706.600.000	1.973.880.000	1.706.600.000	1.973.880.000	1.973.880.000
	111.957.478.000	111.957.478.000	558.492.885.174	570.565.205.174	99.885.158.000	99.885.158.000
b) Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (5)	10.840.697.171	10.840.697.171	1.360.000.000	1.886.080.000	10.314.617.171	10.314.617.171
	10.840.697.171	10.840.697.171	1.360.000.000	1.886.080.000	10.314.617.171	10.314.617.171
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.706.600.000)	(1.706.600.000)	(1.973.880.000)	(1.706.600.000)	(1.973.880.000)	(1.973.880.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	9.134.097.171	9.134.097.171			8.340.737.171	8.340.737.171

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ ĐẦU KHÍ

Số 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thông tin chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng và bên liên quan

Stt	Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2019 (VND)
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam Số 26/TDHM-NH/TD11	250.000.000.000	Chi tiết theo từng giấy nhận nợ	Thời hạn vay của mỗi lần nhận nợ không quá 06 tháng và hiện nay khoản vay này đã quá hạn thanh toán.	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.	Thế chấp hàng hóa hình thành từ vốn vay và/hoặc quyền đòi nợ tương ứng với phương án vay vốn từng lần.	46.886.978.000 46.886.978.000
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng Số HETD 116/2018VCB-KHDN	50.000.000.000	7,2%/năm	04 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ.	Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	Thế chấp bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp cụ thể.	36.702.000.000 36.702.000.000
3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Đà Nẵng Số 33202.18.301.50040.TD	40.000.000.000	7,2%/năm	Tối đa 05 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến hết ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh đại lý phân phối xe Mitsubishi	Hàng hóa hiện hữu và hàng hóa hình thành từ từ phương án MB cấp tín dụng (hàng hóa là xe ô tô Mitsubishi với 100%.	5.622.300.000 5.622.300.000
4	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng Số 193525319	50.000.000.000	7,5%/năm	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi	Hàng hóa hiện hữu và hàng hóa hình thành từ vốn vay	8.700.000.000 8.700.000.000

Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn các ngân hàng

Stt	Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng/số tiền cho vay (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2019
5	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng Các hợp đồng tín dụng	12.700.000.000	8%/năm	84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu	Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án	Thế chấp bằng toàn bộ tài sản được hình thành trong tương lai là máy móc thiết bị và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 429, Khu đô thị mới Đông Nam Thủy An, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế theo các hợp đồng thế chấp.	10.314.617.171 10.314.617.171

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ ĐẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	386.386.000.000	17.467.647.208	30.505.604.521	24.925.724.770	459.284.976.499
Lãi trong năm trước	-	-	34.092.635.174	625.694.929	34.718.330.103
Phân phối lợi nhuận	-	1.453.330.866	(4.765.664.198)	(64.572.626)	(3.376.905.958)
Chia cổ tức năm 2017	-	-	(25.868.244.267)	(389.545.687)	(26.257.789.954)
Tạm ứng cổ tức năm 2018	-	-	(13.523.510.000)	-	(13.523.510.000)
Số dư cuối năm trước	386.386.000.000	18.920.978.074	20.440.821.230	25.097.301.386	450.845.100.690
Số dư đầu năm nay	386.386.000.000	18.920.978.074	20.440.821.230	25.097.301.386	450.845.100.690
Lãi trong năm nay	-	-	41.694.432.686	1.338.047.379	43.032.480.065
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban điều hành	-	-	(4.500.271.193)	(68.826.442)	(4.569.097.635)
Chia cổ tức đợt 2 năm 2018	-	-	(13.523.510.000)	-	(13.523.510.000)
Chi trả cổ tức tại Công ty con	-	-	-	(632.748.000)	(632.748.000)
Số dư cuối năm nay	386.386.000.000	18.920.978.074	44.111.472.723	25.733.774.323	475.152.225.120

Theo các Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông tại Công ty mẹ và công ty con, việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

Phân phối lợi nhuận	Công ty mẹ VND	Các công ty con VND	Cộng VND	Trong đó đã tạm phân phối trong năm 2018 VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành (bằng 13% lợi nhuận sau thuế)	4.432.042.572	137.055.063	4.569.097.635	-
Chi trả cổ tức (*)	27.047.020.000	632.748.000	27.679.768.000	13.523.510.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(*) Theo Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 0081/NQ/MTB-HĐQT ngày 25/06/2018, Công ty mẹ công bố việc chi trả cổ tức năm 2018 còn lại sau khi đã tạm ứng cổ tức như sau:

- Ngày đăng ký cuối cùng: 15/07/2019;
- Ngày giao dịch không hưởng quyền: 12/07/2019;
- Tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt: 3,5%/cổ phiếu;
- Thời gian thực hiện: Từ ngày 15/08/2019.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	51,58%	199.314.300.000	51,58%	199.314.300.000
Ông Nguyễn Văn Hiệp	0,00%	-	17,14%	66.226.560.000
Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ	17,08%	66.000.000.000	0,00%	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	10,61%	40.989.100.000	0,00%	-
Các cổ đông khác	20,73%	80.082.600.000	31,28%	120.845.140.000
	100%	386.386.000.000	100%	386.386.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	386.386.000.000	386.386.000.000
- Vốn góp đầu năm	386.386.000.000	386.386.000.000
- Vốn góp cuối năm	386.386.000.000	386.386.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	12.171.847.320	2.248.819.978
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	14.156.258.000	39.717.288.200
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	14.156.258.000	26.193.778.200
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	13.523.510.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(23.036.646.983)	(29.794.260.858)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(23.036.646.983)	(637.002.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	(29.157.258.858)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	3.291.458.337	12.171.847.320

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	38.638.600	38.638.600
- Cổ phiếu phổ thông	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.638.600	38.638.600
- Cổ phiếu phổ thông	38.638.600	38.638.600
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.920.978.074	18.920.978.074
	<u>18.920.978.074</u>	<u>18.920.978.074</u>

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty mẹ ký kết hợp đồng thuê nhà đất với Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội tại số 08 Tràng Thi, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội và thuê đất tại đường Đào Cam Mộc, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh, Hà Nội với phương thức thuê đất trả tiền hàng năm.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2019	01/01/2019
Đồng đô la Mỹ (USD)	3.233,24	1.277,63

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.593.312.396.264	1.125.317.292.720
Doanh thu cung cấp dịch vụ	51.725.193.845	33.299.624.150
Doanh thu hợp đồng xây dựng	15.658.051.069	3.316.261.078
	<u>1.660.695.641.178</u>	<u>1.161.933.177.948</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	<u>3.114.120.815</u>	<u>19.313.513.974</u>

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.593.641.865.601	1.117.896.887.253
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	25.127.523.960	25.266.980.853
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	15.369.613.079	3.023.102.459
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.432.647.462	-
	<u>1.639.571.650.102</u>	<u>1.146.186.970.565</u>

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	9.913.456.172	10.164.099.544
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	2.061.757.351	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	80.678.213.732	80.088.511.230
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	782.934
Doanh thu hoạt động tài chính khác	15.952	-
	<u>92.653.443.207</u>	<u>90.253.393.708</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.404.998.783	2.111.405.753
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	149.563	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	405.158.952	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	3.266.122.054	541.359.977
Chi phí tài chính khác	201.302.000	7.265.203
	9.277.731.352	2.660.030.933

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	160.839.396	47.693.705
Chi phí nhân công	13.020.322.722	8.654.951.323
Chi phí khấu hao tài sản cố định	631.004.031	265.876.548
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.505.912.022	5.749.563.927
Chi phí khác bằng tiền	7.545.667.362	5.410.430.245
	26.863.745.533	20.128.515.748

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	723.786.096	683.227.058
Chi phí nhân công	18.177.505.417	16.268.599.659
Chi phí khấu hao tài sản cố định	172.332.152	225.250.365
Thuế, phí, lệ phí	142.193.340	193.935.042
Chi phí dự phòng	11.214.568.629	23.552.385.684
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.779.844.025	4.436.284.696
Lợi thế thương mại	2.065.181.468	2.065.181.466
Chi phí khác bằng tiền	11.761.017.891	8.927.354.432
	51.036.429.018	56.352.218.402

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	270.163.636	-
Xóa nợ phải trả	-	1.417.145.509
Thu nhập từ tiền hỗ trợ bán ô tô	17.196.055.954	7.917.596.895
Thu nhập khác	230.707.977	38.185.113
	17.696.927.567	9.372.927.517

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Máy thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	682.191.193	311.488.780
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	682.191.193	311.488.780

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	41.694.432.686	34.092.635.174
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	41.694.432.686	34.092.635.174
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	38.638.600	38.638.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.079	882

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Hoạt động của Công ty trong năm chủ yếu là hoạt động thương mại. Vì vậy, Công ty không thuyết minh chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố, do đã thuyết minh các yếu tố của chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Thuyết minh số 26 và Thuyết minh số 27.

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.365.679.982	-	29.055.723.421	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	313.711.373.822	(237.656.743.701)	385.734.607.220	(225.165.045.259)
Các khoản cho vay	153.000.000.000	-	108.547.245.522	-
	493.077.053.804	(237.656.743.701)	523.337.576.163	(225.165.045.259)
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			108.225.895.171	121.091.575.171
Phải trả người bán, phải trả khác			41.602.546.861	77.795.462.814
Chi phí phải trả			387.969.230	185.000.000
			150.216.411.262	199.072.037.985

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.365.679.982	-	-	26.365.679.982
Phải thu khách hàng, phải thu khác	73.290.498.502	2.764.131.619	-	76.054.630.121
Các khoản cho vay	153.000.000.000	-	-	153.000.000.000
	252.656.178.484	2.764.131.619	-	255.420.310.103

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.055.723.421	-	-	29.055.723.421
Phải thu khách hàng, phải thu khác	157.805.430.342	2.764.131.619	-	160.569.561.961
Các khoản cho vay	108.547.245.522	-	-	108.547.245.522
	295.408.399.285	2.764.131.619	-	298.172.530.904

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	99.885.158.000	8.340.737.171	-	108.225.895.171
Phải trả người bán, phải trả khác	41.136.706.666	465.840.195	-	41.602.546.861
Chi phí phải trả	387.969.230	-	-	387.969.230
	141.409.833.896	8.806.577.366	-	150.216.411.262
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	111.957.478.000	9.134.097.171	-	121.091.575.171
Phải trả người bán, phải trả khác	77.329.622.619	465.840.195	-	77.795.462.814
Chi phí phải trả	185.000.000	-	-	185.000.000
	189.472.100.619	9.599.937.366	-	199.072.037.985

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
Bán hàng		3.114.120.815	19.313.513.974
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết	6.676.815	138.033.974
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ	3.107.444.000	19.175.480.000

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:


	Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		3.586.028.400	22.046.356.186
Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ	3.418.188.400	21.878.516.186
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết	167.840.000	167.840.000
Phải thu khác		19.822.489	12.477.990
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết	19.822.489	12.477.990


Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Giám đốc	798.125.936	812.875.571
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	4.662.719.808	4.724.631.036

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam kiểm toán.


Hà Thị Thanh Hậu
Người lập


Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng


Nguyễn Đình Trung
Giám đốc



Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí được ĐHCĐ thông qua ngày 24/4/2018;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán;

Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019

Stt	Nội dung	Tỷ lệ phân phối	Số tiền (đồng)
I	Vốn góp của chủ sở hữu (MS 411)		386.386.000.000
II	Lợi nhuận sau thuế (MS 61) - BCTC HN		41.694.432.686
III	Trích lập các quỹ và chia cổ tức		36.331.156.250
1	Quỹ khen thưởng phúc lợi	= II x 10%	4.169.443.269
2	Quỹ thưởng Ban điều hành	= II x 3%	1.250.832.981
3	Chi trả cổ tức	= I x 8%	30.910.880.000
III	Lợi nhuận sau thuế để lại chưa phân phối		5.363.276.436

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty xem xét quyết định lựa chọn thời gian và địa điểm trả cổ tức phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty và lợi ích của cổ đông.


2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Giá trị
1	Lợi nhuận sau thuế (LNST) (Theo Kế hoạch SXKD năm 2020)	Tỷ đồng	41,60
2	Trích lập các quỹ và chia cổ tức		
2.1	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	% x LNST	10%
2.2	Trích quỹ thưởng Ban điều hành	% x LNST	3%
2.3	Kế hoạch chia cổ tức năm 2020	% x VDL	10%

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên; 
- Lưu VT, HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH




Phạm Văn Hiệp

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

Số **0242**/MTB - BKS

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH

**Về việc lựa chọn danh sách đơn vị kiểm toán
báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty CP Máy – Thiết bị Dầu khí

Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí được ĐHĐCĐ thông qua ngày 24/4/2018,

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông danh sách các Đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 gồm:

1. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
3. Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn Đơn vị kiểm toán trong danh sách nêu trên đáp ứng yêu cầu.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, BKS

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Lý Thu Vân

TỜ TRÌNH

**V/v: Quyết toán tiền lương/thù lao của HĐQT, BKS năm 2019
và phương án chi trả tiền lương/thù lao HĐQT, BKS năm 2020**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ban hành ngày 26/11/2014;
Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí được ĐHCĐ
thông qua ngày 24/4/2018,

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán tiền lương/ thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 và phương án chi trả năm 2020 như sau:

- 1. Quyết toán tiền lương/thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2019:**
 - Tiền lương/thù lao của Hội đồng quản trị:
 - + Chủ tịch HĐQT, Ủy viên HĐQT chi trả tiền lương theo Quy chế và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty: 2.065.849.572 đồng.
 - + Thù lao Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm: 72.000.000 đồng (3.000.000 đồng/người/tháng).
 - Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát:
 - + Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách chi trả tiền lương theo Quy chế và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty: 555.504.069 đồng.
 - + Thù lao Ủy viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm: 48.000.000 đồng (2.000.000 đồng/người/tháng).
- 2. Phương án chi trả tiền lương/thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020:**
 - Chủ tịch HĐQT, Ủy viên HĐQT; Trưởng Ban kiểm soát và Ủy viên Ban kiểm soát chuyên trách: Hưởng lương theo Quy chế và hiệu quả sản xuất

kinh doanh của Công ty.

- Ủy viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm:
- + Thù lao của Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm: 3.000.000đ/người/tháng
- + Thù lao của Ủy viên BKS kiêm nhiệm: 2.000.000đ/người/tháng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *10/05*



[Handwritten Signature]

Phạm Văn Hiệp

TỜ TRÌNH

V/v: Bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh, sửa đổi Điều lệ và chủ trương hợp tác, đầu tư, góp vốn vào dự án thủy điện, điện gió và năng lượng tái tạo khác.

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 ban hành ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí được ĐHCĐ thông qua ngày 24/4/2018;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101394512 ngày 03/1/2013, sửa đổi lần thứ 7 của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí;

Căn cứ Quyết định số 0162/QĐ/MTB-HĐQT ngày 10/10/2016 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế quản lý Tài chính Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí;

Căn cứ Nghị Quyết số 0005/NQ/MTB-HĐQT ngày 13/01/2020 thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh ô tô;

Căn cứ Nghị Quyết số 0051/NQ/MTB-HĐQT ngày 24/3/2020 thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh sản xuất điện;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty như sau:

1. Bổ sung ngành nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất điện	3511
2	Truyền tải và phân phối điện	3512
3	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
4	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
5	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
6	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

STT	Tên ngành	Mã ngành
7	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
8	Bán mô tô, xe máy	4541
9	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
10	Bán phụ tùng và các bộ phận trợ phụ của mô tô, xe máy	4543

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 4, Điều lệ Công ty do bổ sung ngành nghề kinh doanh trên và sắp xếp lại theo đúng thứ tự mã ngành, cụ thể theo bảng đính kèm.
- Chủ trương tìm kiếm cơ hội, nghiên cứu, hợp tác, đầu tư, góp vốn dự án thủy điện, điện gió và năng lượng tái tạo khác. Giao cho Hội đồng quản trị Công ty tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành. Báo cáo kết quả tình hình thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng !.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HĐQT, TCHC, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hiệp

Phương án sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty
(Kèm theo Tờ trình số *ĐD.6.2.../MTB-HĐQT* ngày *26...3.../2020*)

STT	Trước sửa đổi		Sau sửa đổi	
	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành
1	In ấn và các dịch vụ liên quan đến in;	181	In ấn và các dịch vụ liên quan đến in;	181
2	Sản xuất sơn, vecni và các chất sơn, quét tương tự, ma tít;	20221	Sản xuất sơn, vecni và các chất sơn, quét tương tự, ma tít;	20221
3	Sản xuất cấu kiện kim loại;	2511	Sản xuất cấu kiện kim loại;	2511
4	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;	2512	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;	2512
5	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;	27320	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;	27320
6	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;	27400	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;	27400
7	Sản xuất đồ điện dân dụng;	27500	Sản xuất đồ điện dân dụng;	27500
8	Sửa chữa máy móc, thiết bị;	3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị;	3312
9	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;	3313	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;	3313
10	Sửa chữa thiết bị điện;	3314	Sửa chữa thiết bị điện;	3314
11	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải;	3315	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải;	3315
12	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;	33200	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;	33200
13			Sản xuất điện	3511
14			Truyền tải và phân phối điện	3512
15	Xây dựng nhà các loại;	4100	Xây dựng nhà các loại;	4100
16	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;	4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;	4290
17	Lắp đặt hệ thống điện;	432	Lắp đặt hệ thống điện;	432

STT	Trước sửa đổi		Sau sửa đổi	
	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành
18	Lắp đặt hệ thống lò sưởi, điều hòa không khí;	4322	Lắp đặt hệ thống lò sưởi, điều hòa không khí;	4322
19	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;	43290	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;	43290
20			Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
21			Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
22			Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
23			Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
24			Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
25			Bán mô tô, xe máy	4541
26			Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
27			Bán phụ tùng và các bộ phận trợ phụ của mô tô, xe máy	4543
28	Đại lý;	46101	Đại lý;	46101
29	Môi giới;	46102	Môi giới;	46102
30	Bán buôn đồ điện gia dụng;	46495	Bán buôn đồ điện gia dụng;	46495
31	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;	4651	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;	4651
32	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;	4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;	4652
33	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;	46530	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;	46530
34	Bán buôn phương tiện vận tải;	4659	Bán buôn phương tiện vận tải;	4659
35	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;	46591	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;	46591

STT	Trước sửa đổi		Sau sửa đổi	
	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành
36	Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);	46592	Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);	46592
37	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng;	46594	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng;	46594
38	Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;	46595	Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;	46595
39	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu;	46599	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu;	46599
40	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
41	Bán buôn kim loại và quặng kim loại;	4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại;	4662
42	Bán buôn sắt thép;	46622	Bán buôn sắt thép;	46622
43	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;	4663
44	Bán buôn sơn, vecni;	46635	Bán buôn sơn, vecni;	46635
45	Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669	Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
46	Bán buôn hóa chất;	46691	Bán buôn hóa chất;	46691
47	Bán buôn hóa chất khác;	46692	Bán buôn hóa chất khác;	46692
48	Bán buôn cao su;	46694	Bán buôn cao su;	46694
49	Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	46697	Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	46697
50	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;	4771	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;	4771
51	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;	4933	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;	4933

STT	Trước sửa đổi		Sau sửa đổi	
	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành
52	Kho bãi và lưu trữ hàng hoá;	5210	Kho bãi và lưu trữ hàng hoá;	5210
53	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan;	52101	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan;	52101
54	Dịch vụ bốc xếp hàng hóa;	5224	Dịch vụ bốc xếp hàng hóa;	5224
55	- Giao nhận hàng hóa; Giao hàng - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá.	5229	- Giao nhận hàng hóa; Giao hàng - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá.	5229
56	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, khách sạn;	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, khách sạn;	5510
57	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;	5610
58	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu;	6329	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu;	6329
59	Kinh doanh bất động sản;	68100	Kinh doanh bất động sản;	68100
60	Hoạt động của các Trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;	7810	Hoạt động của các Trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;	7810
61	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;	8559	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;	8559
62	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;	8560	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;	8560
63	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;	95110	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;	95110
64	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình;	9522	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình;	9522

STT	Trước sửa đổi		Sau sửa đổi	
	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành
65	<ul style="list-style-type: none"> - Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 220kv, các công trình nguồn điện; - Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 110kv, các công trình nguồn điện; - Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 35kv, các công trình nguồn điện; 	<p>Điều 1-9- Quyết định số 32/200 6/ QĐ- BCN ngày 06/9/2 006</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 220kv, các công trình nguồn điện; - Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 110kv, các công trình nguồn điện; - Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 35kv, các công trình nguồn điện; 	<p>Điều 1-9- Quyết định số 32/2006 / QĐ- BCN ngày 06/9/20 06</p> 
66	Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc tại nước ngoài;		Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc tại nước ngoài;	
	Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.		Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.	

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2020

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2014 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí được ĐHĐCĐ thông qua ngày 24/4/2018,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch SXKD năm 2020 như sau:

1. Nhiệm vụ trọng tâm.

- Bố trí nguồn lực thực hiện các dự án, hợp đồng đã ký kết đảm bảo chất lượng, hiệu quả.
- Tích cực tham gia, cung cấp thiết bị, vật tư đầu vào cho công tác sản xuất và công tác sửa chữa, bảo dưỡng hạ tầng, công trình xây dựng của các nhà máy điện, đặt mục tiêu chất lượng, hiệu quả lên hàng đầu. Đồng thời xây dựng chương trình khảo sát các nhà máy điện và hợp tác các nhà thầu cung cấp thiết bị O&M để tìm kiếm có hội phát triển SXKD, đặt mục tiêu trở thành nhà phân phối chính thức tại Việt Nam của các nhà cung cấp thiết bị cho các dự án điện.
- Tập trung quyết liệt xử lý, thu hồi công nợ. Cụ thể:
 - + Xây dựng kế hoạch thu hồi nợ chi tiết.
 - + Thường xuyên theo dõi, quản lý, giám sát chặt chẽ các phương án kinh doanh đảm bảo tuyệt đối không để phát sinh các khoản nợ quá hạn mới.
- Chuyển giao dịch cổ phần trên sàn HOSE.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch.

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2020
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.500,00
	Trong đó: Công ty mẹ	Nt	960,00
2	Lợi nhuận trước thuế	Nt	42,00
	Trong đó: Công ty mẹ	Nt	40,00
3	Lợi nhuận sau thuế	Nt	41,60
	Trong đó: Công ty mẹ	Nt	40,00
4	Nộp ngân sách nhà nước	Nt	7,00
5	Kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa, Đầu tư mua sắm trang thiết bị	Nt	13,42
6	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	10

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phạm Văn Hiệp

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÁY-THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số **0064**/MTB - HĐQT

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc niêm yết cổ phiếu PVM trên HOSE.

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2014 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí được ĐHCĐ thông qua ngày 24/4/2018;

Căn cứ Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều luật của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch niêm yết cổ phiếu Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí, với mã là PVM trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục cần thiết, thực hiện niêm yết cổ phiếu PVM trên HOSE khi đáp ứng đủ điều kiện, yêu cầu, đảm bảo lợi ích hợp pháp của cổ đông và đúng theo các quy định hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hiệp

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2020

QUY ĐỊNH

Về việc Đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025 tại Đại hội đồng cổ đông năm 2020 Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày ngày 06/6/2017 của Chính phủ
hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí được ĐHCĐ
thông qua ngày 24/4/2018;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí
ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ
phần Máy – Thiết bị Dầu khí ngày 24/4/2018,

I. MỤC TIÊU

- Đảm bảo tuân thủ Luật pháp và các thông lệ tại Việt Nam.
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ
đông.
- Đảm bảo tính tập trung, hiệu quả của phiên họp Đại hội cổ đông thường
niên năm 2020 của Công ty.

II. QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HĐQT, BKS NHIỆM KỲ 2020 – 2025.

Điều 1. Số lượng, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.

1.1. Số lượng thành viên HĐQT được bầu là 05 thành viên.

1.2. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT.

Thành viên HĐQT phải thỏa mãn các tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT theo
quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 12 Nghị định 71/2017/NĐ-
CP, Điều lệ Công ty và Quy chế này, cụ thể:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản
lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp
và pháp luật liên quan;



- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh, đặc biệt là trong lĩnh vực của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
- Có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác nhưng không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác;
- Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
- Tiêu chuẩn thành viên độc lập HĐQT: các tiêu chuẩn được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:
 - + Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
 - + Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - + Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - + Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - + Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

Điều 2. Số lượng, tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát.

2.1. Số lượng kiểm soát viên được bầu là 03 kiểm soát viên.

2.2. Kiểm soát viên phải thỏa mãn các tiêu chuẩn làm kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp 2014, Điều lệ Công ty và theo Quy chế này, cụ thể:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
- Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty;

- Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- Không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó;
- Trưởng BKS phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty;
- Không phải là ứng viên bầu vào HĐQT. Không phải là người có liên quan của ứng viên bầu vào HĐQT.

Điều 3. Quyền đề cử, ứng cử làm thành viên HĐQT

3.1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng cổ đông lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:

- Từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng viên;
- Từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên;
- Từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên;
- Từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên;
- Từ 50% đến dưới 60% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên;
- Từ 60% đến dưới 70% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên;
- Từ 70% đến dưới 80% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên;
- Từ 80% đến dưới 90% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên.

Người tự ứng cử và được đề cử (sau đây được gọi là ứng cử viên) phải gửi hồ sơ ứng cử hợp lệ và đúng hạn theo quy định.

3.2. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại



hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 4. Quyền đề cử, ứng cử làm thành viên BKS.

4.1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng cổ đông lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:

- Từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng viên;
- Từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên;
- Từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên;
- Từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên;
- Từ 50% đến dưới 60% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên;
- Từ 60% đến dưới 70% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên;
- Từ 70% đến dưới 80% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên;
- Từ 80% đến dưới 90% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên.

4.2. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 5. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào thành viên HĐQT, BKS.

5.1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu vào HĐQT và BKS bao gồm:

- Đơn ứng cử hoặc đơn đề cử ứng viên tham gia HĐQT hoặc BKS;
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai có dán ảnh;
- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao hợp lệ Hộ khẩu thường trú (hoặc giấy đăng ký tạm trú dài hạn);

- Bản sao hợp lệ các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn;
- Giấy ủy quyền và/hoặc Biên bản họp nhóm (nếu ứng cử viên được nhóm ủy quyền ứng cử).
- Giấy xác nhận sở hữu chứng khoán của cổ đông.

5.2. Hồ sơ ứng cử, đề cử phải được gửi tới Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí trước ngày 10/4/2020 theo địa chỉ sau:

- Phòng Tổ chức hành chính - Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí (ông Trương Việt Nghĩa – Thư ký Hội đồng quản trị).
- Địa chỉ: Tầng 13 Tòa nhà CEO, Lô HH2-1 Khu Đô thị mới Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- Điện thoại: 024.38260344 Ext.102 ĐTDD: 0818.257.257
- Fax: 024.38254050
- Email: nghiatruongviet@gmail.com

- Ngoài phong bì cần ghi rõ **“Hồ sơ ứng cử/đề cử vào HĐQT, BKS”**

Trường hợp hồ sơ gửi là bản fax, scan thì phải gửi lại bản gốc khi đăng ký tham dự Đại hội trước khi Đại hội bắt đầu.

Chỉ những hồ sơ đề cử/ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử, ứng cử và những ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT, BKS mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại ĐHCĐ.

III. LỰA CHỌN CÁC ỨNG CỬ VIÊN

Dựa trên các Đơn ứng cử, đề cử của các cổ đông/nhóm cổ đông và hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí sẽ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trên cơ sở đó, tất cả các ứng viên tự ứng cử hoặc đề cử có hồ sơ hợp lệ, gửi đúng hạn và đảm bảo đủ các tiêu chuẩn cho chức danh theo đúng quy định này và phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ sẽ được đưa vào danh sách ứng viên để bầu vào HĐQT và BKS tại Đại hội đồng cổ đông.

Nơi nhận:

- Cổ đông PVMACHINO;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ✓ 105

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hiệp

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2020

QUY CHẾ BẦU CỬ

**Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025
tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của
Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí**

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí được ĐHĐCĐ thông qua ngày 24/4/2018;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí ngày 24/4/2018,

Quy chế này quy định việc bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Kiểm soát (“BKS”) nhiệm kỳ 2020 - 2025 tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí (“Công ty”) như sau:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

- 1.1. Quy chế này được xác lập nhằm quy định cụ thể các nguyên tắc, phương thức cho việc bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
- 1.2. Quy chế này áp dụng đối với tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí (theo danh sách chốt tại ngày 18/3/2020) và người đại diện theo ủy quyền hợp lệ có mặt tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông, đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí.

- 2.1. Mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền khi đến tham dự Đại hội đều được nhận một phiếu Bầu cử HĐQT và một phiếu bầu cử BKS, trên phiếu ghi rõ số lượng cổ phần mà cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đó nắm giữ và số phiếu biểu quyết tương ứng được sử dụng để bầu cử.
- 2.2. Cổ đông phải tuân thủ các điều kiện và thể thức quy định tại Quy chế này và sự hướng dẫn của Ban bầu cử và kiểm phiếu, Đoàn chủ tịch Đại hội.

CHƯƠNG II

BẦU CỬ THÀNH VIÊN HĐQT, BKS NHIỆM KỲ 2020 – 2025

Điều 3. Lựa chọn các ứng cử viên.

Dựa trên các đơn đề cử, ứng cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, Ban tổ chức ĐHĐCĐ sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu thành viên HĐQT và BKS.

Điều 4. Nguyên tắc bầu cử.

Việc bầu cử thành viên HĐQT và BKS được tiến hành theo các nguyên tắc sau đây:

- Tuân thủ pháp luật hiện hành về doanh nghiệp tại Việt Nam;
- Bảo đảm tính công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông.

Điều 5. Người có quyền bầu cử.

Người có quyền bầu cử tại ĐHĐCĐ là các cổ đông sở hữu cổ phần hoặc người được cổ đông sở hữu cổ phần ủy quyền dự họp (theo danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí tại ngày 18/3/2020) có mặt tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty.

Điều 6. Hình thức và phương thức bầu cử.

- 6.1. Việc bầu cử thành viên HĐQT và BKS của Công ty sẽ được thực hiện theo hình thức trực tiếp, bỏ phiếu kín tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu.
- 6.2. Sau khi Đại hội thông qua danh sách các ứng cử viên bầu thành viên HĐQT, BKS và thông qua các thủ tục bầu cử, mỗi đại biểu tham dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức phát cho 02 (hai) phiếu bầu: một (01) phiếu bầu thành viên HĐQT và một (01) phiếu bầu thành viên BKS. Đại biểu có trách nhiệm kiểm tra thông tin trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải báo ngay cho Ban tổ chức Đại hội.

- 6.3. Trên phiếu ghi rõ danh sách các ứng viên được sắp xếp theo thứ tự ABC, số cổ phần sở hữu/hoặc đại diện, số phiếu bầu, có đóng dấu treo của Công ty.
- 6.4. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần (bao gồm cả số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền) nhân với số lượng thành viên được bầu của HĐQT hoặc số thành viên được bầu vào BKS. Cụ thể theo công thức sau:
- (i) Bầu thành viên HĐQT:
- $$\text{Tổng số phiếu bầu} = \text{Tổng số cổ phần} \times \text{Số thành viên được bầu của HĐQT}$$
- (ii) Bầu thành viên BKS:
- $$\text{Tổng số phiếu bầu} = \text{Tổng số cổ phần} \times \text{Số thành viên được bầu của BKS}$$
- 6.5. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một ứng cử viên hoặc phân chia tổng số phiếu của mình cho một số ứng cử viên.
- 6.6. Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của một cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu).

Điều 7. Tổ chức và giám sát bầu cử.

7.1. Bầu cử và kiểm phiếu.

- a. Việc tổ chức và giám sát bầu cử được Ban kiểm phiếu thay mặt cho ĐHĐCĐ thực hiện theo đúng các quy định tại Quy chế này;
- b. Ban kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và các thành viên khác do Đại hội biểu quyết thông qua theo đề nghị của Đoàn chủ tịch;
- c. Thành viên Ban kiểm phiếu không được là người có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào thành viên HĐQT, BKS và không được là người có liên quan đến ứng cử viên đề cử, ứng cử vào thành viên HĐQT, BKS theo quy định của pháp luật;

7.2. Ban kiểm phiếu phải đảm bảo tính trung thực, khách quan, bảo mật thông tin về việc kiểm phiếu và bầu cử.

7.3. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- a. Kiểm tra và công bố danh sách các ứng viên HĐQT và BKS;
- b. Phổ biến quy chế bầu cử và hướng dẫn cách thức bầu cử cho cổ đông;

- c. Phát và thu phiếu bầu cử;
- d. Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông;
- e. Thực hiện kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu trước ĐHĐCĐ;
- f. Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cử cho Ban Thư ký Đại hội;
- g. Cùng Đoàn chủ tịch Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về người ứng cử cũng như về kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để ĐHĐCĐ quyết định;
- h. Và các nhiệm vụ liên quan khác;
- i. Ban kiểm phiếu chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và ĐHĐCĐ về việc tuân thủ Quy chế này và về tính chính xác của kết quả kiểm phiếu.

Điều 8. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu.

8.1. Phiếu bầu.

- a. Phiếu bầu do Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí phát hành, được in thống nhất, có dấu treo của Công ty, có số thứ tự cổ đông, tổng số cổ phần sở hữu/ủy quyền đại diện, tổng số phiếu bầu;
- b. Cổ đông/đại diện ủy quyền được phát đồng thời 01 phiếu bầu thành viên HĐQT (màu hồng) và 01 phiếu bầu thành viên BKS (màu xanh) theo mã số tham dự (sở hữu và được ủy quyền);
- c. Cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót, cổ đông phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu để đổi phiếu bầu khác.

8.2. Phiếu hợp lệ khi có đầy đủ các điều kiện sau đây:

- a. Phiếu bầu cho ứng viên có tên trong danh sách và trong phạm vi số lượng thành viên cần bầu đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- b. Tổng số lượng phiếu bầu cho ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu bầu của cổ đông đó;
- c. Không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 8.3 Điều này.

8.3. Phiếu bầu không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Phiếu không phải là phiếu do Ban tổ chức phát hành và/hoặc không có dấu của Công ty;
- b. Phiếu gạch xóa, sửa chữa, bổ sung các nội dung không theo quy định (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới);

- c. Phiếu có ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- d. Phiếu có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó;
- e. Phiếu không ký tên và ghi rõ họ tên của cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông;
- f. Phiếu bầu cho nhiều ứng viên hơn số lượng cần bầu;
- g. Phiếu không ghi số lượng phiếu bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào.

Điều 9. Bỏ phiếu và kiểm phiếu.

- a. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- b. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- c. Các cổ đông chỉ bỏ phiếu vào hòm phiếu đã được niêm phong do Ban kiểm phiếu giám sát;
- d. Việc kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc; Trước khi mở thùng phiếu, Ban kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản và niêm phong số phiếu không sử dụng. Ban kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu bầu.

Điều 10. Nguyên tắc xác định kết quả bầu cử.

- 10.1. Người trúng cử thành viên HĐQT/BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.
- 10.2. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì người nào sở hữu hoặc đại diện cho cổ đông sở hữu nhiều cổ phần hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần sở hữu hoặc đại diện cho cổ đông sở hữu cùng bằng nhau hoặc tất cả các ứng viên đó không phải là cổ đông của Công ty thì sẽ tổ chức bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau để lựa chọn.
- 10.3. Nếu bầu cử không đủ số lượng thành viên HĐQT và BKS thì Đại hội sẽ tiến hành bầu cử tiếp lần 2 trong số những ứng cử viên còn lại.

10.4. Trường hợp sau khi bầu lần 2 mà vẫn chưa đủ số thành viên thì Đại hội sẽ biểu quyết bầu lại lần 3 hoặc để khuyết thành viên HĐQT/BKS và bầu bổ sung trong kỳ họp Đại hội tiếp theo do Đoàn chủ tịch Đại hội quyết định.

Điều 11. Lập và công bố biên bản kiểm phiếu.

11.1. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu.

11.2. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Thời gian, địa điểm lập Biên bản kiểm phiếu;
- b. Thành phần Ban Kiểm phiếu;
- c. Mục đích, nội dung bỏ phiếu;
- d. Tổng số cổ đông có mặt và đại diện được ủy quyền tại thời điểm bầu cử tại Đại hội; tổng số phiếu bầu đã tham gia bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu bầu hợp lệ và số phiếu bầu không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia bầu cử;
- e. Kết quả bầu cử;
- f. Chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu.

11.3. Toàn văn biên bản kiểm phiếu phải được Ban Kiểm phiếu công bố trước Đại hội và được ghi nhận vào Nghị quyết của Đại hội.

Điều 12. Quyền chất vấn.

Các cổ đông/đại diện cổ đông có quyền chất vấn, khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu. Đoàn chủ tịch Đại hội và Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm giải trình và làm rõ các chất vấn của cổ đông/đại diện cổ đông và được ghi vào Biên bản họp ĐHĐCĐ.

Điều 13. Hiệu lực của Quy chế.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ thông qua và chỉ áp dụng cho việc ứng cử, đề cử và bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2020 – 2025 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ
NHIỆM KỲ 2020-2025

Kính gửi: Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí

Họ tên cổ đông (đại diện nhóm cổ đông):.....

(Danh sách nhóm cổ đông đính kèm Đơn này)

CMND số (Giấy CNĐKKD):Ngày cấp: .../... /.....Nơi cấp:

Người đại diện (tổ chức) :.....Chức vụ :

Địa chỉ:

Điện thoại :Fax :.....

Tổng số cổ phần sở hữu trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng là :
.....cổ phần (Bằng chữ.....)

Chiếm:.....% vốn Điều lệ của Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí.

Căn cứ Thông báo ngày .../.../.....của Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí về việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát và quy định Pháp luật hiện hành, tôi/chúng tôi đồng ý đề cử Ông/Bà có tên dưới đây tham gia để bầu thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020-2025 tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty.

1. Ông/Bà :.....

2. Ông/Bà :.....

3. Ông/Bà :.....

(Đính kèm theo đây là Sơ yếu lý lịch và văn bằng, tài liệu liên quan của người được đề cử theo Đơn này)

Chúng tôi cam kết Ông/Bàđáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện trở thành thành viên Ban kiểm soát của Công ty

Chúng tôi cam kết đáp ứng đủ điều kiện đề cử để bầu thành viên Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của đề cử này.

Trân trọng cảm ơn.

....., ngàythángnăm 2020

CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ
NHIỆM KỲ 2020-2025

Kính gửi: Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí

Họ tên cổ đông (đại diện nhóm cổ đông):.....

(Danh sách nhóm cổ đông đính kèm Đơn này)

CMND số (Giấy CNĐKKD):Ngày cấp: .../... /.....Nơi cấp:

Người đại diện (tổ chức) :.....Chức vụ :

Địa chỉ:

Điện thoại :Fax :.....

Tổng số cổ phần sở hữu trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng là :

.....cổ phần (Bằng chữ.....)

Chiếm:.....% vốn Điều lệ của Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí.

Căn cứ Thông báo ngày .../.../.....của Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí về việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị và quy định Pháp luật hiện hành, tôi/chúng tôi đồng ý đề cử Ông/Bà có tên dưới đây tham gia để bầu thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2020-2025 tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty.

1. Ông/Bà :.....

2. Ông/Bà :.....

3. Ông/Bà :.....

(Đính kèm theo đây là Sơ yếu lý lịch và văn bằng, tài liệu liên quan của người được đề cử theo Đơn này)

Chúng tôi cam kết Ông/Bàđáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện trở thành thành viên Hội đồng quản trị của Công ty

Chúng tôi cam kết đáp ứng đủ điều kiện đề cử để bầu thành viên Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của đề cử này.

Trân trọng cảm ơn.

....., ngàythángnăm 2020

CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN ỨNG CỬ
THAM GIA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ
NHIỆM KỲ 2020-2025

Kính gửi: Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí

Tôi tên là:
CMND số:Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Trình độ học vấn:Chuyên ngành:
Hiện đang sở hữu:cổ phần (Bằng chữ.....)
Chiếm:.....% vốn Điều lệ của Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí.

Sau khi nghiên cứu các quy định về quyền của cổ đông; các tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát và các tài liệu, quy định pháp luật có liên quan; tôi thấy đủ điều kiện ứng cử tham gia Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí.

Đề nghị Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí cho tôi được ứng cử tham gia thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí nhiệm kỳ 2020 – 2025.

Tôi cam kết đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện trở thành thành viên Ban kiểm soát của Công ty và chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc ứng cử này.

Tôi xin đính kèm Sơ yếu lý lịch theo đơn này.

Trân trọng cảm ơn !

....., ngàythángnăm 2020

CÔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc

**ĐƠN XIN ỨNG CỬ
THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ
NHIỆM KỲ 2020-2025**

Kính gửi: Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí

Tôi tên là:
CMND số:Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Trình độ học vấn:Chuyên ngành:
Hiện đang sở hữu:cổ phần (Bằng chữ.....)
Chiếm:.....% vốn Điều lệ của Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí.

Sau khi nghiên cứu các quy định về quyền của cổ đông; các tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu, quy định pháp luật có liên quan; tôi thấy đủ điều kiện ứng cử tham gia Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí.

Đề nghị Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí cho tôi được ứng cử tham gia thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí nhiệm kỳ 2020 – 2025.

Tôi cam kết đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện trở thành thành viên Hội đồng quản trị của Công ty và chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc ứng cử này.

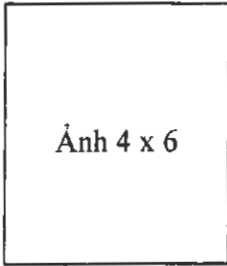
Tôi xin đính kèm Sơ yếu lý lịch theo đơn này.

Trân trọng cảm ơn !

....., ngàythángnăm 2020

CÓ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)



Ảnh 4 x 6

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SƠ YẾU LÝ LỊCH
ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA VÀO HĐQT NHIỆM KỲ 2020-2025
CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY – THIẾT BỊ DẦU KHÍ**

1. Họ và tên:.....Giới tính:.....
2. Ngày sinh:thángnămNơi sinh:.....
3. Quốc tịch:
4. Số CMND (Hộ chiếu):ngày cấp:..... nơi cấp:.....
5. Địa chỉ thường trú:
6. Địa chỉ liên lạc:.....
7. Điện thoại:
8. Trình độ văn hóa:.....Trình độ chuyên môn:.....
9. Quá trình công tác (Từ năm 18 tuổi đến nay, làm gì, ở đâu):

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ	Trách nhiệm chính

10. Chức vụ hiện nay đang nắm tại các Công ty/tổ chức (liệt kê cụ thể chức vụ và tên công ty/tổ chức liên quan):

11. Trình độ học vấn:

Tên trường	Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng	Từ tháng, năm – đến tháng, năm	Hình thức đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ, trình độ gì

12. Có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu là Giám đốc và người quản lý khác của PVMACHINO; là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ.

- Có:

- Không:

13. Về quan hệ gia đình: (Bao gồm vợ; chồng; cha, mẹ ruột; cha, mẹ nuôi; con ruột; con nuôi; anh, chị, em ruột).

Họ tên	Quan hệ	Ngày sinh	Địa chỉ

14. Hành vi vi phạm pháp luật:

15. Năng lực nổi bật:

Tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp lý về các thông tin cá nhân được công bố;
- Không vi phạm các quy định về đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí và các quy định của Pháp luật hiện hành;
- Thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của PVMACHINO nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Tôi cam đoan những lời khai nêu trên là đúng sự thật. Nếu sai, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

..... , ngày ... tháng ... năm 2020

**Xác nhận của tổ chức được đại diện/
Cơ quan công tác**

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ảnh 4 x 6

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH
ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA VÀO BKS NHIỆM KỲ 2020-2025
CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY – THIẾT BỊ DẦU KHÍ

- Họ và tên:.....Giới tính:.....
- Ngày sinh:thángnămNơi sinh:.....
- Quốc tịch:
- Số CMND (Hộ chiếu):ngày cấp:..... nơi cấp:.....
- Địa chỉ thường trú:
- Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại:
- Trình độ văn hóa:.....Trình độ chuyên môn:.....
- Quá trình công tác (Từ năm 18 tuổi đến nay, làm gì, ở đâu):

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ	Trách nhiệm chính

10. Chức vụ hiện nay đang nắm tại các Công ty/tổ chức (liệt kê cụ thể chức vụ và tên công ty/tổ chức liên quan):

11. Trình độ học vấn:

Tên trường	Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng	Từ tháng, năm – đến tháng, năm	Hình thức đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ, trình độ gì
		.../....-		
		.../....-		

12. Có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu là Giám đốc và người quản lý khác của PVMACHINO; là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ.

- Có:

- Không:

13. Về quan hệ gia đình: (Bao gồm vợ; chồng; cha, mẹ ruột; cha, mẹ nuôi; con ruột; con nuôi; anh, chị, em ruột).

Họ tên	Quan hệ	Ngày sinh	Địa chỉ

14. Hành vi vi phạm pháp luật:

15. Năng lực nổi bật:

Tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp lý về các thông tin cá nhân được công bố;
- Không vi phạm các quy định về đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Công ty cổ phần Máy – Thiết bị Dầu khí và các quy định của Pháp luật hiện hành;
- Thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của PVMACHINO nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Tôi cam đoan những lời khai nêu trên là đúng sự thật. Nếu sai, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

..... , ngày ... tháng ... năm 2020

**Xác nhận của tổ chức được đại diện/
Cơ quan công tác**

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

BIÊN BẢN HỌP NHÓM CỔ ĐÔNG

ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN BẦU VÀO BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Hôm nay, ngày.... tháng ... năm 2020, tại....., địa chỉ....., chúng tôi là nhóm cổ đông của Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí cùng nhau nắm giữ cổ phần phổ thông, chiếm% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng.

Chúng tôi thống nhất đề cử người có tên dưới đây được bầu vào Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí nhiệm kỳ 2020 - 2025 như sau:

STT	Họ tên ứng cử viên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/Hộ chiếu

Đồng thời chúng tôi thống nhất cử Ông (Bà):CMND/Hộ chiếu số:Ngày cấp: Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

làm Người đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử, ứng cử vào Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ và các yêu cầu của Công ty.

Biên bản này được lập vào lúc giờ, ngày...../...../2020

ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

.....

Ghi chú:

Kèm CMTND/Hộ chiếu (công chứng)

của các thành viên trong nhóm và người đại diện.

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ
ỨNG CỬ VIÊN BẦU VÀO BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ
NHIỆM KỲ 2020 - 2025

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ĐKKD, ngày và nơi cấp.	Địa chỉ	Tổng số cổ phần sở hữu			Ký xác nhận
				Sở hữu	Đại diện	Tổng số	
1		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:					
2		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:					
3		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:					
4		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:					
5		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:					
6		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:					
7		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:					
8		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:					
9		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:					
	Tổng						

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

BIÊN BẢN HỌP NHÓM CỔ ĐÔNG

ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN BẦU VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Hôm nay, ngày.... tháng ... năm 2020, tại....., địa chỉ....., chúng tôi là nhóm cổ đông của Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí cùng nhau nắm giữ cổ phần phổ thông, chiếm% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng.

Chúng tôi thống nhất đề cử người có tên dưới đây được bầu vào Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí nhiệm kỳ 2020 - 2025 như sau:

STT	Họ tên ứng cử viên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMTND/Hộ chiếu

Đồng thời chúng tôi thống nhất cử Ông (Bà):CMND/Hộ chiếu số:Ngày cấp: Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

làm Người đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ và các yêu cầu của Công ty.

Biên bản này được lập vào lúc giờ, ngày...../...../2020

ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

.....

Ghi chú:

Kèm CMTND/Hộ chiếu (công chứng)

của các thành viên trong nhóm và người đại diện.

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ
ỨNG CỬ VIÊN BẦU VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ
NHIỆM KỲ 2020 - 2025

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ĐKKD, ngày và nơi cấp.	Địa chỉ	Tổng số cổ phần sở hữu			Ký xác nhận
				Sở hữu	Đại diện	Tổng số	
1		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:					
2		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:					
3		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:					
4		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:					
5		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:					
6		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:					
7		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:					
8		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:					
9		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:					
	Tổng						